

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG
TIEN PHONG SECURITIES
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số: 17/2025/TPS-CBTT
No: 17/2025/TPS-CBTT

*Tp. HCM, ngày 05 tháng 06 năm 2025
Ho Chi Minh City, June 05, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GDCK
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE WEB PORTAL
OF THE STATE SECURITIES COMMISSION AND THE STOCK EXCHANGES**

- Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission;*
- Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange.*

Chúng tôi: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("TPS")

Name of organization: Tien Phong Securities Corporation ("TPS")

Mã chứng khoán / *Securities Code* : ORS

Địa chỉ trụ sở chính/ *Head office address*: Tầng 7, tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh/ *7th Floor, Doji Building, No. 81-83-85 Ham Nghi, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.*

Điện thoại/ *Telephone*: 028.39118014

Fax: 028.39118015.

Người thực hiện công bố thông tin/ *Person who discloses information*: (Ông/ Mr) Nguyễn Trát Minh Phương – Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền công bố thông tin/ *Person authorized to disclose information.*

Địa chỉ/ *Address*: Tầng 7, tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh/ *7th Floor, Doji Building, No. 81-83-85 Ham Nghi, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City*

Điện thoại/ *Phone*: 028.39118014

Fax: 028.39118015

Loại thông tin công bố/ *Type of disclosure*: ☐ 24 giờ/24 hours... ☐ Yêu cầu/ *Request* ☐
Bất thường/ *Abnormal* ☒ Định kỳ/ *Recurring*

Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure:

Thông báo mời họp và dự thảo tài liệu họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của TPS vào ngày 27/06/2025/ *Notice of Invitation and Draft Meeting Materials for TPS's 2025 Annual General Meeting of Shareholders on June 27, 2025.*

Thông tin này đã được TPS công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 05/06/2025 tại đường dẫn/ *This information was published on the company's website on June*

05, 2025, as in the link: <https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/thong-tin-co-dong/tps-thong-bao-moi-hop-va-du-thao-tai-lieu-hop-dai-hoi-dong-co-dong-thuong-nien-nam-2025?postId=2410>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Nơi nhận/ Recipient:

- Như đề gửi /*As submitted;*
- Lưu/Archives:VT.

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG/ ON BEHALF OF TIEN
PHONG SECURITIES CORPORATION/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**



NGUYỄN TRÁT MINH PHƯƠNG

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Dự thảo tài liệu và chương trình ĐHCD thường niên 2025/ *Draft documents and program of TPS's 2025 Annual General Meeting of Shareholders*

Số / No.: 02.TBMH-ĐHĐCĐTN/2025

TP. HCM / HCM City, ngày / date 05/06/2025

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025

NOTICE OF MEETING INVITATION OF AGM 2025

Kính gửi / Dear: Quý cổ đông / Shareholders

Hội Đồng Quản Trị của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty”) kính mời cổ đông đến tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025 với thông tin cụ thể như sau:

The Board of Directors (the BoD) of Tien Phong Securities Corporation (the “Company”) would like to cordially invite all shareholders of the Company to attend Annual General Meeting Of Shareholders 2025 (the “AGM 2025”) with the following details:

Thời gian, địa điểm họp <i>Time and venue</i>	08:00 AM - ngày 27 tháng 06 năm 2025 tại Tầng 4, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. <i>08:00 AM - June 27, 2025 at Floor 4, Doji Tower, 81-83-85 Ham Nghi, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.</i>
Hình thức họp <i>Meeting format</i>	Tham dự họp và biểu quyết trực tiếp. <i>In-person meeting and voting.</i>
Chương trình họp <i>Meeting agenda</i>	1. Thông qua các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 / <i>Proposal for approval of reports of the BoD, the SB on performance in 2024 and orientation in 2025;</i> 2. Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 / <i>Proposal for approval of 2024 audited financial statements, proposal on 2024 profit distribution plan;</i> 3. Thông qua thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát / <i>Proposal for approval of the remuneration for the BoD and the SB;</i> 4. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty / <i>Proposal for approval of amendments, supplements to the Company's Charter;</i> 5. Thông qua các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công Ty (nếu có) / <i>Proposal for approval of other contents within scope of authority as regulated by the Company's Charter (if any).</i>
Tài liệu họp và các thông tin có liên quan <i>Meeting documents and related information</i>	Được đăng tải, cập nhật trên trang điện tử của Công Ty tại từng thời điểm / As posted, updated on the Company's website at times (www.tpbs.com.vn).

Để việc đón tiếp và tổ chức được chu đáo, cổ đông vui lòng đăng ký dự họp với Ban Tổ chức Đại hội theo thông tin liên hệ dưới đây trước **17:00 PM - ngày 26 tháng 06 năm 2025** / For

an attentive reception and organization, shareholders please register to attend the meeting with the Organizing Committee at the contact information as below no later than 17:00 PM - June 26, 2025.

Cổ đông, người đại diện của cổ đông khi đến tham dự họp vui lòng mang theo bản gốc của các giấy tờ sau đây / Shareholders and representatives of shareholders when attending the meeting should provide the originals of the following documents:

- Thông báo mời họp / *Notice of meeting invitation;*
- Giấy ủy quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025 trong trường hợp cá nhân đến dự họp là đại diện ủy quyền của cổ đông (tham khảo mẫu “**Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025**” được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty) / *Letter of Authorization to attend the AGM 2025 in case the individual attending the meeting is the authorized representative of the shareholder (refer to the Letter of Attendance/Authorization to attend the AGM 2025 as posted on the Company’s website);*
- CCCD, Hộ chiếu hoặc giấy tờ tùy thân tương đương của cá nhân đến dự họp / *ID card, Passport or equivalent identity document of the individual attending the meeting.*

Trân trọng / Sincerely.

Nơi nhận / Recipient:

- *Như trên / As above;*
- *Lưu / Filed.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOD



PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Thành viên Hội Đồng Quản Trị phụ trách /
Board Member in charge

Thông tin liên hệ của Ban tổ chức Đại hội / Contact of the Organizing Committee



Địa chỉ / Address: Tầng 7, Tòa nhà Doji, Số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại / Tel: (028) 7301 3839

Fax: (028) 3911 8015

Website: <https://www.tpbs.com.vn/>



**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ / ỦY QUYỀN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025**

Kính gửi: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty”)

Tên cổ đông:	MSCĐ:
Số CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN:	
Ngày cấp:	Nơi cấp:
Địa chỉ:	Điện thoại:
Người đại diện theo pháp luật (cổ đông là tổ chức):	
Số lượng cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu:	ORS

Căn cứ Thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025 của Công Ty, Tôi/Chúng tôi xác nhận dự họp như sau: *(Vui lòng đánh dấu “X” vào ô lựa chọn tương ứng)*

☐ Trực tiếp tham dự	☐ toàn bộ cổ phần. ☐ một phần, cụ thể là: cổ phần.
☐ Ủy quyền cho người khác^(*)	☐ toàn bộ cổ phần. ☐ một phần, cụ thể là: cổ phần.
Tên người được ủy quyền:	
Số CCCD/Hộ chiếu:	
Ngày cấp:	Nơi cấp:
Địa chỉ:	Điện thoại:
☐ Ủy quyền cho Tổng Giám Đốc - (Bà) Đặng Sĩ Thùy Tâm ^(*)	☐ toàn bộ cổ phần. ☐ một phần, cụ thể là: cổ phần.

(*) Nội dung ủy quyền: Thay mặt và đại diện cổ đông thực hiện tất cả quyền, nghĩa vụ của cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025 của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn việc dự họp, thảo luận, phát biểu ý kiến và thực hiện biểu quyết, bầu cử.

Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025 của Công Ty, bao gồm các lần triệu tập lại (nếu có).

Cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm 2025

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)



**LETTER OF ATTENDANCE / AUTHORIZATION TO ATTEND
ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2025**

To: Tien Phong Securities Corporation (the “Company”)

Shareholder’s name:	Code:
ID/Passport/ERC No:	
Issued date:	At:
Address:	Tel:
Legal representative (<i>shareholders being organizations</i>):	
Amount of owned/reprinted owning shares:	ORS

Pursuant to the Notice of Meeting Invitation of Annual General Meeting of Shareholders 2025 (the “AGM 2025”) of the Company, I/We confirm to attend the meeting as follows:
(Please write “X” in the corresponding box)

☐ In-person attendance	☐ all shares. ☐ partially: share(s).
☐ Authorization for others^(*)	☐ all shares. ☐ partially: share(s).
Name of authorized person:	
CCCD/Passport No:	
Issued date:	At:
Address:	Tel:
☐ Authorization for CEO - (Mrs.) Dang Si Thuy Tam^(*)	☐ all shares. ☐ partially: share(s).

(*) Scope of authorization: Represent and represent shareholders to perform all rights and obligations of shareholders at the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of the Company, including but not limited to attending meetings, discussing, expressing opinions and voting and election.

Effectiveness of authorization: From the date of signing to the end of the AGM 2025 of the Company, including re-convening (if any).

Shareholders are fully responsible for the authorization in accordance with laws.

....., date month 2025

AUTHORIZED PERSON

(Signed, written full name)

SHAREHOLDER

(Signed, written full name, stamped if being
an organization)



DANH MỤC TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

1. Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025.
2. Quy chế Tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025.
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công Ty.
4. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025.
5. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025.
6. Các tờ trình của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông:
 - 6.1. Tờ trình số **01/2025/TTr-HĐQT** v/v “Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán và các báo cáo liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công Ty”;
 - 6.2. Tờ trình số **02/2025/TTr-HĐQT** v/v “Thông qua thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát”;
 - 6.3. Tờ trình số **03/2025/TTr-HĐQT** v/v “Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024”;
 - 6.4. Tờ trình số **04/2025/TTr-HĐQT** v/v “Thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với tổng hạn mức phát hành trái phiếu là 3.000 tỷ đồng”;
 - 6.5. Tờ trình số **05/2025/TTr-HĐQT** v/v “Thông qua các giao dịch giữa Công Ty và TPBank”;
 - 6.6. Tờ trình số **06/2025/TTr-HĐQT** v/v “Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ”;
 - 6.7. Tờ trình số **01/2025/TTr-BKS** v/v “Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công Ty”.
7. Dự thảo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: QCTC/ĐHĐCĐTN/2025

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

QUY CHẾ TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Điều Lệ**");

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong ("**Công Ty**" hoặc "**TPS**") được tổ chức và tiến hành theo Quy Chế Tổ Chức Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên Năm 2025 này ("**Quy Chế Tổ Chức Đại Hội**") với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Đối tượng dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đối tượng có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 của Công Ty là tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty theo Danh sách người sở hữu chứng khoán có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("**VSDC**") lập tại **ngày 23 tháng 05 năm 2025** hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp (gọi chung là "**người dự họp**") khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi tại Thông báo mời họp; và trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông với Ban Tổ chức Đại hội.
3. Trong thời gian diễn ra cuộc họp, người dự họp phải tuân thủ theo sự hướng dẫn, điều hành của Chủ tọa cuộc họp và Ban Tổ chức Đại hội; ứng xử văn minh, lịch sự và giữ gìn trật tự tại cuộc họp; không hút thuốc lá trong phòng họp; không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong lúc diễn ra cuộc họp; điện thoại phải được tắt hoặc để chế độ rung.
4. Việc ghi âm, ghi hình cuộc họp phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa cuộc họp.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Đoàn Chủ tịch có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, trong đó có 01 (một) thành viên của Đoàn Chủ tịch được bầu làm Chủ tọa cuộc họp. Các thành viên của Đoàn Chủ tịch có thể bao gồm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và/hoặc người khác được Hội Đồng Quản Trị mời/chỉ định/phân công tham gia Đoàn Chủ tịch. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Thành viên Đoàn Chủ tịch được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu/biểu quyết thông qua tại cuộc họp khi thực hiện nghi thức khai mạc cuộc họp.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành công việc của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo chương trình và nội dung họp được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - b. Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

- c. Chuẩn bị, tổng hợp các báo cáo, tờ trình trong chương trình và nội dung họp để Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết thông qua tại cuộc họp;
- d. Hướng dẫn để Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung họp;
- e. Điều hành việc bầu cử tại cuộc họp;
- f. Tiến cử/phân công và giới thiệu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu tại cuộc họp;
- g. Giải đáp, trả lời các vấn đề do người dự họp yêu cầu thuộc phạm vi nội dung chương trình;
- h. Điều hành các hoạt động liên quan khác và giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp.

Điều 3. Ban Thư ký

- 1. Ban Thư ký bao gồm 02 (hai) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 01 (một) thành viên, do Chủ tọa cuộc họp cử/phân công và giới thiệu tại cuộc họp. Ban Thư ký chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện việc kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (khi được yêu cầu);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các báo cáo, tờ trình trong chương trình và nội dung họp, gửi/chuyển thông báo của Đoàn Chủ tịch đến người dự họp;
 - c. Tiếp nhận, rà soát các ý kiến thảo luận của người dự họp ghi tại Phiếu thảo luận và chuyển đến Đoàn Chủ tịch giải đáp, trả lời;
 - d. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung, diễn biến của cuộc họp và các vấn đề đã được thảo luận, biểu quyết thông qua tại cuộc họp;
 - e. Soạn thảo, công bố biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề được thông qua tại cuộc họp để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 - f. Thực hiện nhiệm vụ liên quan khác theo yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

Điều 4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông

- 1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên, do Hội Đồng Quản Trị cử/phân công tham gia công tác tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được giới thiệu tại cuộc họp. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:
 - a. Thực hiện việc kiểm tra tư cách cổ đông, người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tình hình cổ đông dự họp và kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tại cuộc họp; kết luận về việc đáp ứng điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Thực hiện nhiệm vụ liên quan khác theo yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

Điều 5. Ban Kiểm phiếu

- 1. Ban Kiểm phiếu bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) thành viên, do Chủ tọa cuộc họp đề nghị và được Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu/biểu

quyết thông qua tại cuộc họp. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - a. Kiểm phiếu, xác định chính xác kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử tại cuộc họp;
 - b. Tổng hợp, lập báo cáo và công bố kết quả kiểm phiếu, kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử tại cuộc họp (theo sự phân công của Chủ tọa cuộc họp);
 - c. Xem xét, báo cáo Chủ tọa cuộc họp về các trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc khiếu nại về kết quả kiểm phiếu (nếu có);
 - d. Thực hiện nhiệm vụ liên quan khác theo yêu cầu của Đoàn Chủ tịch.

Điều 6. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
3. Việc biểu quyết được tiến hành bằng việc người dự họp ghi vào Thẻ biểu quyết và bỏ phiếu kín hoặc bằng phương thức khác theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội. Kết quả kiểm phiếu đối với Thẻ biểu quyết được Ban Kiểm phiếu hoặc Chủ tọa cuộc họp công bố ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Thẻ biểu quyết được áp dụng theo quy định của Điều 7 dưới đây.
5. Người dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp với Ban Tổ chức Đại hội, được tham dự và tham gia biểu quyết các nội dung còn lại cần biểu quyết theo chương trình họp đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những vấn đề đã được biểu quyết không bị ảnh hưởng.
6. Việc thảo luận và giải đáp, trả lời các ý kiến thảo luận của người dự họp tại cuộc họp được thực hiện như sau:
 - a. Việc thảo luận tại cuộc họp chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trong nội dung chương trình;
 - b. Người dự họp có nhu cầu được thảo luận, trao đổi thì (i) đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận (theo mẫu của Ban Tổ chức Đại hội quy định) và chuyển cho Ban Tổ chức Đại hội; hoặc (ii) thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội;
 - c. Ban Tổ chức Đại hội sắp xếp Phiếu thảo luận của người dự họp theo thứ tự đăng ký và chuyển cho Đoàn Chủ tịch;
 - d. Chủ tọa cuộc họp hoặc người do Chủ tọa cuộc họp chỉ định/phân công sẽ giải đáp, trả lời ý kiến của người dự họp;
 - e. Trường hợp do giới hạn về thời gian, các ý kiến chưa được giải đáp, trả lời trực tiếp tại cuộc họp thì sẽ được giải đáp, trả lời bằng văn bản hoặc email gửi đến người dự họp sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 7. Thẻ biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

1. Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp cho người dự họp khi hoàn tất thủ tục đăng ký dự họp với Ban Tổ chức Đại hội.
2. Mỗi người dự họp chỉ được phát 01 (một) Thẻ biểu quyết. Trên mỗi Thẻ biểu quyết có ghi tên của cổ đông/người đại diện của cổ đông, mã số thẻ biểu quyết, tổng số cổ phần

có quyền biểu quyết và tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông. Người dự họp tham gia biểu quyết theo cách thức giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc ghi vào Thẻ biểu quyết (tùy trường hợp áp dụng).

3. Thực hiện biểu quyết bằng cách thức ghi vào Thẻ biểu quyết:
 - a. Người dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” vào phương án biểu quyết tương ứng theo lựa chọn: “*Tán thành*”, “*Không tán thành*” hoặc “*Không có ý kiến*” cho từng vấn đề biểu quyết ghi trên Thẻ biểu quyết;
 - b. Người dự họp bỏ Thẻ biểu quyết vào thùng phiếu kín theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Đại hội.
4. Quy định về Thẻ biểu quyết:
 - a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là Thẻ biểu quyết đáp ứng được tất cả các điều kiện sau đây:
 - (i) Thẻ biểu quyết do Ban Tổ chức Đại hội phát ra (theo mẫu và có dấu của Công Ty);
 - (ii) Thẻ biểu quyết có đầy đủ thông tin, chữ ký của cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp;
 - (iii) Thẻ biểu quyết không bị rách, gach, tẩy xóa, chỉnh sửa nội dung; không viết thêm nội dung/ký hiệu nào khác so với mẫu được phát ra;
 - b. Thẻ biểu quyết không hợp lệ là Thẻ biểu quyết thuộc một trong các trường hợp sau:
 - (i) Thẻ biểu quyết không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điểm a trên đây;
 - (ii) Thẻ biểu quyết không được bỏ vào thùng phiếu và/hoặc được nộp sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và thùng phiếu đã được niêm phong.

Thẻ biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.
5. Trường hợp có vấn đề biểu quyết mà người dự họp tham gia biểu quyết không lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án biểu quyết cho một vấn đề biểu quyết thì được xem là người dự họp đã biểu quyết “*Không có ý kiến*” đối với vấn đề biểu quyết đó.
6. Cổ đông có lợi ích liên quan đến nội dung biểu quyết sẽ không có quyền biểu quyết đối với nội dung biểu quyết đó. Trong trường hợp này, tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông sẽ không được tính vào số lượng phiếu biểu quyết hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó và phương án biểu quyết của cổ đông (nếu có) sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung biểu quyết đó.
7. Trường hợp người dự họp là cổ đông/người đại diện của cổ đông không có quyền biểu quyết đối với (các) vấn đề biểu quyết theo quy định của Điều Lệ và/hoặc quy định của pháp luật thì việc biểu quyết của/cho người không có quyền biểu quyết đối với vấn đề biểu quyết đó sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.
8. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát (nếu có) sẽ được thực hiện theo Quy chế Bầu cử được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp phù hợp với quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật.

Điều 8. Biên bản họp, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được đọc/công bố và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Cổ đông/người đại diện của cổ đông tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy Chế Tổ Chức Đại Hội này. Người dự họp vi phạm Quy Chế Tổ Chức Đại Hội này thì tùy theo mức độ vi phạm cụ thể, Chủ tọa cuộc họp sẽ xem xét và quyết định hình thức xử lý phù hợp theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật.
2. Quy Chế Tổ Chức Đại Hội này gồm 09 (chín) Điều và có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: BC01-HĐQT/ĐHĐCĐTN2025

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025**

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Quy chế Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2024;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua “**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025**” với các nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

I. Tình hình kinh tế vĩ mô và tình hình thị trường chứng khoán năm 2024

1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2024

Năm 2024 tiếp tục ghi nhận những biến động lớn của kinh tế toàn cầu, nổi bật là sự leo thang của căng thẳng địa chính trị, tăng trưởng chậm tại Trung Quốc do tiêu dùng suy yếu và khủng hoảng bất động sản kéo dài. Kinh tế châu Âu gặp nhiều khó khăn từ bất ổn chính trị nội khối và cuộc xung đột Nga - Ukraina, trong khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) duy trì mức lãi suất cao đến tháng 9/2024, các yếu tố này đã gây áp lực chung toàn cầu.

Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu cũng đang dần phục hồi, lạm phát hạ nhiệt, FED đã hạ lãi suất ba lần liên tiếp từ tháng 09/2024 với tổng mức giảm 1%, đưa mức lãi suất về khoảng 4,25 - 4,5%.

Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định. GDP năm 2024 tăng 7,09% so với năm trước; kim ngạch xuất khẩu hàng hóa vượt 400 tỷ USD; xuất siêu đạt 24,77 tỷ USD; đầu tư công giải ngân đạt 661,3 nghìn tỷ đồng (đạt 85% kế hoạch và tăng 3,3% so với năm 2023); FDI thực hiện đạt 25,35 tỷ USD (tăng 9,4%) - mức cao nhất từ trước đến nay; CPI tăng 3,63%, dưới ngưỡng mục tiêu 4 - 4,5% được Chính phủ đề ra.

2. Tình hình thị trường chứng khoán năm 2024

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 khởi sắc khi VN-Index đóng cửa ngày 31/12/2024 đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2023. Giá trị giao dịch bình quân của VN-Index đạt 18.843 tỷ đồng/phần giao dịch trong năm 2024, tăng 21,17% so với năm 2023.

Dù khối ngoại tiếp tục bán ròng, nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước lại cho thấy vai trò dẫn dắt xu thế với lực mua ròng mạnh mẽ, qua đó đóng góp đáng kể vào đà phục hồi của thị trường. Một điểm sáng đặc biệt trong năm 2024 là sự gia tăng đáng kể số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán được mở mới với hơn 2 triệu tài khoản, gấp

hơn 5 lần của năm 2023, đưa tổng số tài khoản toàn thị trường lên mức 9,3 triệu, tương đương hơn 9% dân số Việt Nam.

II. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2024

1. Kết quả kinh doanh so với kế hoạch năm 2024

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % so với kế hoạch
1	Doanh thu	2.551.634	2.105.578	82,51%
2	Chi phí	2.193.687	1.624.128	74.03%
3	Lợi nhuận trước thuế	357.947	481.450	134,50%
4	Lợi nhuận sau thuế	286.357	379.111	132,39%

Tổng doanh thu của Công Ty trong năm 2024 đạt 2.106 tỷ đồng và theo đó Công Ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế vượt mốc 481 tỷ đồng, tương đương mức tăng trưởng 70% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, so với kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, Công Ty đã hoàn thành vượt mức 134,5% kế hoạch lợi nhuận trước thuế, cho thấy sự hiệu quả trong công tác điều hành, quản trị và năng lực thích ứng linh hoạt với thị trường.

Nổi bật trong năm 2024 là Công Ty đã đạt được những kết quả tích cực trong việc kiểm soát và tối ưu chi phí. Cụ thể, chi phí hoạt động được tiết giảm mạnh đến 52,3%, cao hơn đáng kể so với mức giảm 26,4% của doanh thu hoạt động, qua đó cho thấy nỗ lực thiết thực trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của Công Ty. Bên cạnh đó, chi phí quản lý cũng được duy trì hợp lý ở mức 135 tỷ đồng, gần như tương đương với mức 133 tỷ đồng của năm 2023. Việc kiểm soát chi phí hiệu quả đã đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao biên lợi nhuận và cải thiện hiệu quả hoạt động chung của Công Ty.

2. Các hoạt động kinh doanh chính của Công Ty năm 2024

a. Hoạt động tự doanh

Trong năm 2024, hoạt động tự doanh tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những mảng kinh doanh cốt lõi và hiệu quả của Công Ty. Với chiến lược đầu tư linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường và khả năng phân tích, dự báo sát thực tiễn, hoạt động tự doanh đã mang lại mức lợi nhuận gộp vượt trội, đạt hơn 395 tỷ đồng, chiếm 35,7% tổng cơ cấu lợi nhuận gộp toàn Công Ty, qua đó thể hiện rõ vai trò đóng góp quan trọng và bền vững của mảng hoạt động này trong tổng thể kết quả kinh doanh chung của Công Ty.

b. Dịch vụ ngân hàng đầu tư

Từ năm 2023 đến nay, hoạt động tư vấn tài chính của Công Ty nói chung, đặc biệt là hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư, chịu ảnh hưởng đáng kể từ sự suy giảm và trầm lắng kéo dài của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, dẫn đến việc tăng trưởng trong mảng này chưa thể phục hồi và trở lại phát triển mạnh mẽ như giai đoạn 2020 - 2022. Tuy nhiên, bước sang năm 2024, hoạt động dịch vụ ngân hàng đầu tư cũng đã ghi nhận những tín hiệu khởi sắc rõ rệt.

Nhờ nỗ lực chủ động tiếp cận và cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính hiệu quả cho các doanh nghiệp có nhu cầu huy động vốn, doanh thu từ mảng dịch vụ này đã tăng trưởng đáng kể đạt mức 22 tỷ đồng trong năm 2024, gấp hơn 2 lần so với kết quả 9 tỷ

đồng của năm 2023. Kết quả này cho thấy sự phục hồi tích cực và tiềm năng phát triển của dịch vụ ngân hàng đầu tư trong cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công Ty.

c. Hoạt động môi giới chứng khoán

Hoạt động môi giới chứng khoán tiếp tục có sự cạnh tranh gay gắt trong ngành cả về mức phí giao dịch và lãi suất cho vay, dù vậy Công Ty đã có sự cải thiện trong hoạt động môi giới chứng khoán nhờ vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán, nguồn lực của Công Ty ngày càng hoàn thiện và tích cực triển khai đa dạng các sản phẩm danh mục chọn lọc với lãi suất cạnh tranh.

Trong năm 2024, hoạt động môi giới chứng khoán ghi nhận hơn 61 tỷ đồng, tăng gần 46,6% so với năm 2023. Hiệu quả hoạt động môi giới chứng khoán cũng có sự chuyển biến tích cực với lợi nhuận gộp ghi nhận con số âm chỉ còn 5 tỷ đồng, trong khi năm 2023 âm hơn 10 tỷ đồng.

Song song với việc phát triển hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay ký quỹ, Công Ty luôn bảo đảm việc tuân thủ nghiêm ngặt các chính sách, quy định về quản trị rủi ro. Đối với danh mục cho vay ký quỹ, Công Ty thực hiện đánh giá, lựa chọn cho vay đối với các cổ phiếu an toàn, tiềm năng trong danh mục cổ phiếu được chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ theo công bố của (các) Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

d. Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Trong năm 2024, hoạt động kinh doanh nguồn vốn ghi nhận mức lãi tăng cao 107% so với năm 2023, đạt hơn 238 tỷ đồng. Trong đó, lãi từ hoạt động cho vay và phải thu là 196 tỷ đồng, tăng 77% so với năm 2023; và lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) đạt 42 tỷ đồng, trong khi năm 2023 là 4 tỷ đồng.

Cùng với việc quản lý chặt chẽ chi phí, Công Ty đã huy động và duy trì ổn định các nguồn lưu động cũng như nguồn vốn vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại với mức lãi vay hợp lý, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tăng trưởng hiệu quả kinh doanh và nâng cao hiệu suất sử dụng vốn của Công Ty.

3. Các hoạt động khác

a. Hoạt động nhân sự

Trong năm 2024, Công Ty tiếp tục chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực - một trong những yếu tố then chốt góp phần vào sự ổn định và tăng trưởng dài hạn. Công Ty đã từng bước kiện toàn cơ cấu tổ chức, đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự thông qua việc rà soát, sắp xếp hợp lý nguồn lực hiện có và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn hợp lý.

Việc xây dựng bộ máy nhân sự tinh gọn, hiệu quả, gắn với các mục tiêu chiến lược đã góp phần bảo đảm năng lực vận hành linh hoạt, đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn và đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho lộ trình phát triển trung và dài hạn của Công Ty.

Về mặt số lượng, nhân sự trong năm 2024 ghi nhận mức tăng nhẹ 2,5% so với năm 2023, cho thấy xu hướng ổn định và kiểm soát tốt trong công tác tuyển dụng, bảo đảm sự tăng trưởng song song với chất lượng và hiệu quả nguồn lực.

b. Sản phẩm, công nghệ

Nhằm thu hút khách hàng và gia tăng thị phần, Công Ty tích cực triển khai liên tục các sản phẩm, dịch vụ mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng và xu hướng thị trường. Nổi bật là sản phẩm cho vay ký quỹ với danh mục chọn lọc và lãi suất cạnh tranh,... đã góp phần phát triển mạnh mẽ hoạt động môi giới chứng khoán và cho vay ký quỹ cũng như các hoạt động có liên quan khác của Công Ty.

Chất lượng dịch vụ tư vấn của Công Ty không ngừng cải thiện với các dịch vụ tư vấn chuyên sâu với các giải pháp tài chính ưu việt, trọn gói và hiệu quả dành cho các đối tượng khách hàng.

Công Ty đã tiếp tục nâng cấp và phát triển hệ thống giao dịch với các tính năng mới, công nghệ hiện đại, tích hợp các nền tảng giao dịch đa dạng nhằm hỗ trợ giao dịch chứng khoán nhanh chóng và thuận tiện, tăng cường bảo mật.

Trong năm 2024, Công Ty tự hào nhận cú đúp giải thưởng quốc tế là giải thưởng “*Excellent Client Relationship in Investment Banking & Brokerage*” do Tạp chí The Business Pinnacle bình chọn và giải thưởng “*Most innovative Online Trading Platform in Vietnam 2024*” của The Global Economics, qua đó khẳng định thêm vị thế của Công Ty trong việc ứng dụng công nghệ vào giao dịch chứng khoán và mang đến trải nghiệm tốt nhất cho nhà đầu tư.

c. Hoạt động quản trị rủi ro

Trong năm 2024, Công Ty tiếp tục đặt trọng tâm vào việc tăng cường công tác kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro - những yếu tố cốt lõi nhằm bảo đảm sự vận hành an toàn, minh bạch và bền vững.

Các hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ được triển khai một cách thường xuyên, đồng bộ và chặt chẽ trên toàn hệ thống. Điều đó không chỉ góp phần phát hiện và ngăn ngừa kịp thời các rủi ro tiềm ẩn, mà còn bảo đảm mọi hoạt động của Công Ty đều được thực hiện trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành cũng như các quy định về quản trị nội bộ của Công Ty.

PHẦN II: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

I. Dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2025

1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2025

Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2025 được kỳ vọng tiếp tục ổn định và duy trì đà tăng trưởng tích cực. Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 đạt 8%, với các động lực chính đến từ việc thúc đẩy đầu tư công, dòng vốn FDI duy trì xu hướng tăng, đầu tư tư nhân mở rộng, xuất nhập khẩu phát triển, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và cải cách, tinh gọn bộ máy Nhà nước. CPI bình quân khoảng 4,5 - 5%, cùng với môi trường lãi suất thấp sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nói chung.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ bên ngoài như biến động tỷ giá, nguy cơ suy thoái lan rộng, chính sách thuế quan từ Hoa Kỳ và căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là diễn biến phức tạp của xung đột Nga - Ukraina. Đây sẽ là những yếu tố cần được theo dõi chặt chẽ để kịp thời ứng phó trong năm 2025.

2. Dự báo tình hình thị trường chứng khoán năm 2025

Năm 2025, với triển vọng kinh tế tích cực, lãi suất duy trì ở mức thấp cùng mục tiêu nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ cận biên lên mới nổi theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 đã được Thủ tướng phê duyệt, là những động lực quan trọng thúc đẩy thị trường phát triển. Thị trường được kỳ vọng sẽ tăng trưởng mạnh về cả điểm số và thanh khoản, tạo đà vững chắc cho sự phát triển bền vững trong thời gian tới.

II. Kế hoạch hoạt động kinh doanh của Công Ty năm 2025

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức, cùng với áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các công ty chứng khoán, thị trường trái phiếu tiếp tục đối mặt với

nhiều khó khăn, Công Ty đề ra kế hoạch kinh doanh năm 2025 trên cơ sở củng cố, phát triển các hoạt động kinh doanh cốt lõi với nguyên tắc thận trọng, đề cao quản trị rủi ro và an toàn vốn.

(ĐVT: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	+/- năm 2025 so với năm 2024
1	Doanh thu	2.106	1.379	-34.5%
2	Chi phí	1.624	1.240	-23.6%
3	Lợi nhuận trước thuế	481	139	-71.1%
4	Lợi nhuận sau thuế	379	111	-70.7%

2. Các giải pháp thực hiện

a. Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và mở rộng tệp khách hàng

Để nâng cao hiệu quả hoạt động, đặc biệt đối với dịch vụ ngân hàng đầu tư và môi giới chứng khoán, Công Ty tập trung nguồn lực vào việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, bảo đảm phù hợp với các phân nhóm khách hàng; theo đó, việc tiếp cận, tìm hiểu nhu cầu đặc thù của từng nhóm khách hàng được chú trọng nhằm xây dựng các giải pháp tài chính sát với nhu cầu thực tế của thị trường tại từng thời điểm.

Bên cạnh đó, Công Ty cũng đẩy mạnh cải tiến các sản phẩm, dịch vụ theo hướng mở rộng và linh hoạt, dựa trên nền tảng hệ thống giao dịch chứng khoán (core) mới, đồng thời nghiên cứu, triển khai các sản phẩm mới phù hợp với định hướng, hướng dẫn từ cơ quan có thẩm quyền.

Công Ty chú trọng khai thác tối đa tệp khách hàng hiện có và khách hàng trong hệ sinh thái, mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp đối tác để cung cấp thêm các dịch vụ tài chính tích hợp. Đồng thời, Công Ty mở rộng tệp khách hàng thông qua việc thúc đẩy mở rộng mạng lưới cộng tác viên, đối tác phát triển thị trường, kết hợp với việc nâng cao chất lượng đội ngũ môi giới và nhân sự kinh doanh, xây dựng chương trình đào tạo, đánh giá, sàng lọc nhân sự bài bản.

b. Đầu tư an toàn và hiệu quả

Trong hoạt động đầu tư và tự doanh, Công Ty bám sát diễn biến thị trường tài chính, đồng thời tăng cường phân tích và dự báo các yếu tố kinh tế vĩ mô và vi mô để nâng cao hiệu quả đầu tư. Việc quản trị danh mục đầu tư được thực hiện trên nguyên tắc kiểm soát rủi ro chặt chẽ, giải ngân vốn một cách thận trọng, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

c. Cải tiến hệ thống công nghệ

Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công nghệ, phát triển thêm các tiện ích chuyên biệt để nâng cao trải nghiệm khách hàng và chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, việc tăng cường các giải pháp bảo mật và an toàn thông tin luôn được ưu tiên nhằm đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe trong môi trường số hóa.

d. Tăng cường truyền thông và nhận diện thương hiệu

Song song với hoạt động phát triển sản phẩm và nhân sự, Công Ty tăng cường công tác truyền thông và nâng cao nhận diện thương hiệu thông qua các hoạt động quảng bá, tổ chức sự kiện, hội thảo chuyên đề, phát hành báo cáo phân tích, livestream, cũng như đẩy mạnh hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chuyên sâu cho khách hàng.

Trước bối cảnh còn nhiều khó khăn và thách thức, bên cạnh việc phát triển hoạt động kinh doanh, Công Ty đồng thời thực hiện các giải pháp nhằm tiết giảm chi phí, xây dựng hệ thống phòng thủ, tăng cường các biện pháp giám sát, quản trị rủi ro để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Công Ty, qua đó bảo vệ lợi ích của khách hàng và cổ đông của Công Ty.

Trên đây là toàn bộ nội dung “***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025***”.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: BC02-HĐQT/ĐHĐCĐTN2025

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025**

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- Căn cứ Kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2024;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua “**Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025**” với các nội dung cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024

1. Tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán năm 2024

Năm 2024, kinh tế Việt Nam ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7,09%, cao hơn mức 5,05% của năm 2023, đưa quy mô GDP lên 476,3 tỷ USD. Đặc biệt, trong Quý IV/2024, GDP tăng 7,55% so với cùng kỳ, mức tăng cao nhất trong hơn hai năm qua, phản ánh sự khởi sắc của nền kinh tế sau giai đoạn khó khăn. Tăng trưởng này được hỗ trợ bởi sự mở rộng trong ngành công nghiệp chế biến, dịch vụ và sự gia tăng của tiêu dùng nội địa.

Lạm phát vẫn được kiểm soát tốt với CPI tăng 3,63%, phù hợp với mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước (NHNN). Để duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ được giữ ở mức linh hoạt, giúp hỗ trợ doanh nghiệp nhưng không gây áp lực lên giá cả. Tỷ giá USD/VND trong năm 2024 có nhiều biến động, trong nửa đầu năm, VND chịu áp lực mất giá do dòng vốn đầu tư gián tiếp (FII) rút ra khỏi thị trường mới nổi và xu hướng tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED). Đã có thời điểm tỷ giá USD/VND vượt ngưỡng 25.000 VND/USD, mức cao nhất trong nhiều năm. Tuy nhiên, từ Quý III/2024, NHNN đã có những biện pháp can thiệp, bao gồm điều tiết cung tiền, can thiệp thị trường ngoại hối và duy trì chính sách lãi suất hợp lý để ổn định thị trường. Nhờ đó, tỷ giá USD/VND dần hạ nhiệt và kết thúc năm ở mức ~24.500 VND/USD, dù vẫn cao hơn mức trung bình của năm 2023.

Thương mại tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng khi xuất khẩu tăng 14,3% đạt 405,53 tỷ USD, nhờ vào sự phục hồi của tiêu dùng toàn cầu và sự tăng trưởng của các ngành công nghiệp chủ lực. Ở chiều ngược lại, nhập khẩu tăng 16,7% đạt 380,76 tỷ USD, phản ánh nhu cầu cao về nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và tiêu dùng nội địa. Với thặng dư thương mại 24,77 tỷ USD, Việt Nam tiếp tục duy trì lợi thế trong cán cân thương mại, hỗ trợ tích cực cho dự trữ ngoại hối và ổn định tỷ giá.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn là điểm sáng khi vốn FDI thực hiện đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023. Điều này khẳng định Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, công nghệ cao và năng lượng tái tạo.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 tăng trưởng ổn định và thanh khoản tích cực; đến cuối năm 2024, VN-Index đạt 1.270 điểm, ghi nhận mức tăng trưởng 12,3% so với cuối năm 2023. Thị trường chứng khoán trong năm 2024 tăng trưởng mạnh mẽ chủ yếu tập trung vào Quý I/2024, tuy nhiên phần còn lại của năm 2024 chứng kiến thị trường đi ngang với biên độ dao động trong khoảng 100 điểm, trong đó ngưỡng kháng cự ở mức 1.300 điểm và ngưỡng hỗ trợ ở mức 1.200 điểm. Điều này phản ánh sự ổn định tương đối của thị trường trong bối cảnh các yếu tố thách thức từ cả trong và ngoài nước.

Về mặt thanh khoản, thị trường chứng khoán năm 2024 đã có sự cải thiện rõ rệt, với giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt khoảng 22.000 tỷ đồng, tăng trưởng 21% so với năm 2023.

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng ghi nhận sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô vốn hóa. Tính đến cuối năm 2024, tổng giá trị vốn hóa trên ba sàn HOSE, HNX và UPCoM đã đạt khoảng 7.200 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cuối năm 2023. Điều này tương đương với khoảng 70% GDP, cho thấy sự phát triển vững mạnh và tiềm năng của thị trường chứng khoán trong dài hạn.

Mặc dù thị trường chứng khoán toàn cầu chịu nhiều áp lực, dòng vốn ngoại vẫn duy trì xu hướng bán ròng; tuy nhiên với sự tham gia mạnh mẽ của các nhà đầu tư trong nước và dòng tiền nội địa từ các nhà đầu tư cá nhân đã giúp duy trì đà tăng trưởng của thị trường Việt Nam.

Cùng với sự phục hồi của thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu Việt Nam cũng chứng kiến sự hồi phục ấn tượng trong năm 2024, đặc biệt là nhờ vào các chính sách tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ từ Chính phủ. Sự can thiệp kịp thời này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức phát hành trái phiếu, đồng thời khôi phục niềm tin của các nhà đầu tư.

Tính đến cuối năm 2024, giá trị giao dịch bình quân của thị trường trái phiếu đạt 12.000 tỷ đồng mỗi phiên, đánh dấu mức tăng trưởng 80% so với năm 2023. Đây là một tín hiệu tích cực, phản ánh sự gia tăng mạnh mẽ về hoạt động giao dịch và nhu cầu đầu tư vào trái phiếu.

Về quy mô, thị trường trái phiếu Việt Nam đã đạt giá trị 2.350 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 23% GDP của cả nước. Đây là một tỷ lệ đáng chú ý, cho thấy thị trường trái phiếu đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và là kênh đầu tư được nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Trong năm 2024, Chính phủ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã triển khai nhiều chính sách quan trọng nhằm củng cố niềm tin của các nhà đầu tư, tạo động lực cho sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán. Một trong những bước đi đáng chú ý là việc Luật Chứng khoán sửa đổi chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2025 không chỉ hoàn thiện khung pháp lý, mà còn nâng cao tính minh bạch và công bằng của thị trường.

Bên cạnh đó, việc ban hành Thông tư số 68/2024/TT-BTC đã góp phần quan trọng trong việc tạo dựng hành lang pháp lý thuận lợi, giúp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi.

2. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Công Ty năm 2024

Mặc dù phải đối mặt với những thách thức chung của nền kinh tế toàn cầu, Công Ty đã không ngừng nỗ lực và tận dụng tốt đà phục hồi của thị trường tài chính với chiến lược linh hoạt và giải pháp tối ưu hóa hoạt động, Công Ty đã đạt được những kết quả

hoạt động ấn tượng trong năm 2024, khẳng định được vị thế và khả năng cạnh tranh trong ngành.

2.1. Về hoạt động kinh doanh

Lũy kế cả năm 2024, Công Ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 481 tỷ đồng, tăng mạnh 70% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 134% kế hoạch lợi nhuận đã đề ra. Kết quả lợi nhuận vượt kỳ vọng này đến từ việc tối ưu chi phí hiệu quả hơn so với mức giảm doanh thu, từ đó góp phần đáng kể vào việc cải thiện biên lợi nhuận và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Về doanh thu và chi phí hoạt động, tổng doanh thu hoạt động năm 2024 đạt 2.077 tỷ đồng, giảm 26,4% so với năm 2023. Tuy nhiên, chi phí hoạt động được điều chỉnh giảm mạnh, chỉ còn 971 tỷ đồng, tương đương giảm 52,3%. Nhờ đó, lợi nhuận gộp của Công Ty đạt 1.106 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 40,5% so với cùng kỳ.

Chi phí quản lý tiếp tục được duy trì ổn định. Trong năm 2024, chi phí quản lý ở mức 135 tỷ đồng, gần như tương đương với mức 133 tỷ đồng của năm trước, điều đó cho thấy việc kiểm soát chi phí hiệu quả dù là Công Ty vẫn tiếp tục mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

Một điểm nổi bật khác trong năm 2024 là sự tăng trưởng mạnh mẽ của hoạt động cho vay ký quỹ với dư nợ cho vay ký quỹ đạt 2.880 tỷ đồng, tăng 163,7% so với đầu năm.

Tổng tài sản của Công Ty tính đến ngày 31/12/2024 đạt 11.198 tỷ đồng, tăng mạnh 61,5% so với đầu năm, khẳng định sự tăng trưởng quy mô và năng lực tài chính ngày càng vững chắc. Đồng thời, trong năm 2024, Công Ty cũng đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên đến gần 3.360 tỷ đồng.

2.2. Các kết quả kinh doanh nổi bật khác

Trong năm 2024, Công Ty duy trì và bảo đảm tỷ lệ an toàn tài chính ở mức cao, phù hợp với yêu cầu áp dụng đối với công ty chứng khoán. Tính đến ngày 31/12/2024, tỷ lệ vốn khả dụng của Công Ty đạt 426,61%, thể hiện năng lực tài chính ổn định, bảo đảm sự an toàn trong hoạt động, giảm thiểu rủi ro mất khả năng thanh toán.

Công Ty vẫn tiếp tục đẩy mạnh cải tiến hệ thống giao dịch, hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến khách hàng. Việc chú trọng đầu tư công nghệ giúp tối ưu hóa quy trình vận hành, giao dịch và mang đến những trải nghiệm thuận tiện, nhanh chóng cho nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, Công Ty cũng đã tập trung vào việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nâng cao chất lượng nhân sự và hoàn thiện, củng cố hệ thống chính sách, quy chế, quy trình nội bộ; qua đó tạo nền tảng cho Công Ty hoạt động hiệu quả hơn, đáp ứng các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cũng như bảo đảm sự ổn định, giảm thiểu tối đa rủi ro trong hoạt động của Công Ty.

II. BÁO CÁO VỀ VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2024

Công Ty về cơ bản đã thực hiện các nội dung, hạng mục công việc trọng yếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/04/2024 (“**Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024**”). Tuy nhiên, còn một số nội dung, hạng mục công việc đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2024 mà Công Ty chỉ thực hiện một phần hoặc chưa thực hiện do tình hình khách quan của thị trường và/hoặc do nhu cầu, tình hình hoạt động thực tế của Công Ty. Cụ thể, kết quả về việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2024 như sau:

1. **Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024:** Công Ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 với kết quả thực tế như sau:

(ĐVT: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ thực hiện / kế hoạch
Doanh thu	2.552	2.106	83%
Chi phí	2.194	1.624	74%
Lợi nhuận trước thuế	358	481	134%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

2. **Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu:** Trên cơ sở phương án đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024, Công Ty đã thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức như sau:

- Vốn điều lệ của Công Ty tại thời điểm thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **3.000.000.000.000 VND**, tương ứng với số cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành khi thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **300.000.000** cổ phiếu.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức là **12% (100:12)**, áp dụng nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ bị hủy bỏ.
- Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là **ngày 17/06/2024**.
- Số cổ phiếu thực tế đã phân phối khi thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là **35.999.743 cổ phiếu**, tương ứng với số tiền là **359.997.430.000 VND**.
- Vốn điều lệ của Công Ty sau khi thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **3.359.997.430.000 VND**, tương ứng với số cổ phiếu lưu hành sau khi thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **335.999.743** cổ phiếu.

3. **Thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán thêm cổ phiếu và tăng vốn điều lệ trong năm 2024:** Căn cứ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024, kế hoạch và thực tế thực hiện tăng vốn điều lệ của Công Ty trong năm 2024 như sau:

STT	Kế hoạch	Thực tế thực hiện
1	Tiếp tục thực hiện Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 (tỷ lệ thực hiện 2:1).	Đã hoàn tất thực hiện.
2	Triển khai thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ thực hiện 12%).	Đã hoàn tất thực hiện.
3	Triển khai thực hiện đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (tỷ lệ thực hiện 4,83%).	Không thực hiện.
4	Triển khai thực hiện đợt phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện 2:1,2).	Đã triển khai nhưng đã ngừng thực hiện.

Để làm rõ, “**Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023**” là đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng (thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) được Công Ty triển khai thực hiện căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 19/04/2023 (“**Nghị**

Quyết ĐHĐCĐ Năm 2023”) và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 442/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 28/12/2023 (“Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023”).

Tình hình thay đổi vốn điều lệ/vốn góp của chủ sở hữu của Công Ty trong năm 2024 như sau:

Thời điểm	Vốn điều lệ / Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Ghi chú
Ngày 01/01/2024	2.000.000.000.000	-
Ngày 23/04/2024	3.000.000.000.000	Hoàn tất thực hiện Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023.
Ngày 17/06/2024	3.359.997.430.000	Hoàn tất chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024.
Ngày 31/12/2024	3.359.997.430.000	-

4. **Thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu năm 2024:** Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024, Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua hạn mức phát hành/chào bán trái phiếu là 1.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công Ty không thực hiện phát hành/chào bán trái phiếu trong năm 2024.
5. **Thực hiện các giao dịch giữa Công Ty và người có liên quan là Ngân hàng TMCP Tiên Phong (“TPBank”):** Trong năm 2024, Hội Đồng Quản Trị của Công Ty đã thông qua 02 (hai) loại giao dịch giữa Công Ty và TPBank, bao gồm:
 - a. Giao dịch đề nghị/yêu cầu TPBank cho Công Ty vay vốn dưới hình thức cấp cho Công Ty hạn mức tín dụng tối đa 2.100 tỷ đồng (tham chiếu Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 16/04/2024);
 - b. Các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty và TPBank liên quan đến hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ của Công Ty có giá trị mỗi hợp đồng, giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty (tham chiếu Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 11/06/2024).
6. **Thực hiện việc chào bán chứng quyền có bảo đảm, kinh doanh chứng khoán phái sinh và thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán:** Công Ty không thực hiện trong năm 2024.

III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Hoạt động chung năm 2024

Năm 2024, Hội Đồng Quản Trị tiếp tục chú trọng công tác quản trị rủi ro, chuẩn hóa quy trình và tăng cường thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc, người quản lý Công Ty nhằm bảo đảm hoạt động của Công Ty được an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy chế nội bộ có liên quan của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị đã quyết định và triển khai thực hiện một số hạng mục công việc quan trọng trong năm 2024 như sau:

- a. Tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2024;
- b. Thông qua phương án vay vốn, sử dụng hạn mức tín dụng tại một số ngân hàng thương mại nhằm bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- c. Lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) là đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên năm 2024, Báo cáo tài chính

năm 2024, Báo cáo vốn góp của chủ sở hữu sau khi thực hiện Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023;

- d. Lựa chọn Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY (UHY) để thực hiện kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đối với trái phiếu của Công Ty còn dư nợ;
- e. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty, thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty;
- f. Triển khai các thủ tục pháp lý có liên quan nhằm hoàn tất thực hiện Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 và đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức.

2. Thù lao của Hội Đồng Quản Trị

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2024		Năm 2025
	Kế hoạch (VND)	Thực tế (VND)	Kế hoạch (VND)
Hội Đồng Quản Trị	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000

Chi tiết thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị trong năm 2024:

- (i) Ông Đỗ Anh Tú - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: 280.000.000 VND.
- (ii) Bà Trương Thị Hoàng Lan - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị: 280.000.000 VND.
- (iii) Bà Bùi Thị Thanh Trà - Thành viên Hội Đồng Quản Trị: 140.000.000 VND.
- (iv) Ông Tạ Quang Lương - Thành viên Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung ngày 24/04/2024): 100.000.000 VND.
- (v) Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thành viên Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung ngày 24/04/2024): 100.000.000 VND
- (vi) Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng - Thành viên Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung ngày 24/04/2024): 100.000.000 VND.
- (vii) Ông Lê Quốc Hùng - Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung ngày 24/04/2024): 100.000.000 VND.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Trong năm 2024, Công Ty phát sinh 02 (hai) giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan của thành viên Hội Đồng Quản Trị, cụ thể như sau:

STT	Đối tượng giao dịch với Công Ty	Nội dung giao dịch	Văn bản tham chiếu
1	Ngân Hàng TMCP Tiên Phong ("TPBank")	Giao dịch đề nghị/yêu cầu TPBank cho Công Ty vay vốn dưới hình thức cấp cho Công Ty hạn mức tín dụng tối đa 2.100 tỷ đồng.	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 08/2024/NQ-HĐQT ngày 16/04/2024.

2		Các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty và TPBank liên quan đến hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ của Công Ty có giá trị mỗi hợp đồng, giao dịch nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty.	Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 12/2024/NQ-HĐQT ngày 11/06/2024.
---	--	---	--

Các hợp đồng, giao dịch nêu trên được Hội Đồng Quản Trị thông qua theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; được báo cáo và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty niên yết năm 2024 của Công Ty.

4. Tổng kết các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và các nghị quyết/quyết định Hội Đồng Quản Trị

- a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị hoạt động tuân thủ quy định về quản trị Công ty theo Điều Lệ, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định của pháp luật khác có liên quan. Năm 2024, Hội Đồng Quản Trị đã tổ chức 23 (hai mươi ba) cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị cụ thể như sau:

STT	Họ và tên thành viên Hội Đồng Quản Trị	Thời gian đảm nhận chức danh trong Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026	Chức danh trong Hội Đồng Quản Trị	Số cuộc họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Đỗ Anh Tú	Từ ngày 15/03/2021 đến nay	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	23/23	100%
2	Bà Trương Thị Hoàng Lan	Từ ngày 15/03/2021 đến ngày 26/07/2022	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị	23/23	100%
		Từ ngày 26/07/2022 đến nay	Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị		
3	Bà Bùi Thị Thanh Trà	Từ ngày 19/04/2023 đến nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	23/23	100%
4	Ông Tạ Quang Lương	Từ ngày 24/04/2024 đến nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	14/23	61%
5	Bà Phạm Thị Huyền Trang	Từ ngày 24/04/2024 đến nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	14/23	61%
6	Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Từ ngày 24/04/2024 đến nay	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	14/23	61%
7	Ông Lê Quốc Hùng	Từ ngày 24/04/2024 đến nay	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị	14/23	61%

- b. Nội dung các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị và nghị quyết/quyết định Hội Đồng Quản Trị đã được ban hành trong năm 2024 cụ thể như sau:

STT	Số, ngày ban hành nghị quyết Hội Đồng Quản Trị		Nội dung nghị quyết Hội Đồng Quản Trị
1	01/2024/NQ-HĐQT	05/01/2024	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông và thời gian phân phối cổ phiếu (Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023).
2	02/2024/NQ-HĐQT	22/01/2024	Thông qua việc tăng hạn mức tín dụng của Công Ty tại VCB Thăng Long.
3	03/2024/NQ-HĐQT	26/02/2024	Triển khai tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024.
4	04/2024/NQ-HĐQT	26/02/2024	Thông qua dự án chuyển đổi core chứng khoán cơ sở.
5	05/2024/QĐ-HĐQT	21/03/2024	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ, chưa phân phối hết (Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023).
6	06/2024/NQ-HĐQT	28/03/2024	Thông qua các nội dung trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024.
7	07/2024/NQ-HĐQT	15/04/2024	Thông qua việc tiếp tục vay vốn, điều chỉnh và sử dụng hạn mức tín dụng của Công Ty tại VietinBank - Chi nhánh 1 TP. HCM.
8	08/2024/NQ-HĐQT	16/04/2024	Thông qua phương án sử dụng hạn mức tín dụng tại TPBank.
9	09/2024/NQ-HĐQT	19/04/2024	Thông qua việc triển khai thực hiện thủ tục đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty để cập nhật mức vốn điều lệ mới 3.000 tỷ đồng.
10	10/2024/NQ-HĐQT	13/05/2024	Thông qua việc triển khai thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
11	11/2024/NQ-HĐQT	04/06/2024	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu trong đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
12	12/2024/NQ-HĐQT	11/06/2024	Thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với TPBank.
13	13/2024/NQ-HĐQT	25/06/2024	Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám Đốc và thay đổi Người được ủy quyền công bố thông tin.
14	14/2024/NQ-HĐQT	26/06/2024	Thông qua việc lựa chọn các đơn vị kiểm toán cho Công Ty.
15	15/2024/NQ-HĐQT	22/07/2024	Thông qua việc vay vốn của Công Ty tại Ngân hàng TMCP An Bình.
16	16/2024/NQ-HĐQT	14/08/2024	Thông qua việc vay vốn của Công Ty tại VietCredit.

17	17/2024/NQ-HĐQT	14/08/2024	Thông qua việc vay vốn của Công Ty tại Ngân Hàng TMCP Bản Việt.
18	18/2024/NQ-HĐQT	14/08/2024	Thông qua việc vay vốn của Công Ty tại Vietcombank - Chi nhánh Thăng Long.
19	19/2024/NQ-HĐQT	04/09/2024	Thông qua việc vay vốn của Công Ty tại VPBank.
20	20/2024/NQ-HĐQT	24/09/2024	Thông qua việc triển khai thực hiện thủ tục đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty để cập nhật mức vốn điều lệ mới ~3.360 tỷ đồng.
21	21/2024/NQ-HĐQT	25/10/2024	Thông qua việc vay vốn và sử dụng hạn mức tín dụng tại VPBank.
22	22/2024/NQ-HĐQT	23/12/2024	Thông qua việc triển khai thực hiện đợt phát hành quyền mua để tăng vốn điều lệ của Công Ty (<i>đã ngừng thực hiện</i>).
23	23/2024/NQ-HĐQT	24/12/2024	Thông qua việc vay vốn của Công Ty tại VietinBank - Chi nhánh 1 TP. HCM.

5. Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2024, Hội Đồng Quản Trị có 07 (bảy) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên độc lập. Toàn bộ các thành viên Hội Đồng Quản Trị đã tham gia tích cực vào việc định hướng chiến lược và điều hành hoạt động của Công Ty. Hội Đồng Quản Trị đã chỉ đạo triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập đã thực hiện việc giám sát tập trung vào: báo cáo tài chính và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty; Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; giao dịch với người có liên quan; Bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty; Tính độc lập, khách quan của công ty kiểm toán độc lập và tính hiệu quả của quá trình kiểm toán; và các vấn đề tuân thủ đối với quy định pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

Sự tách biệt vai trò của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc nhằm bảo đảm sự phân chia quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

Hội Đồng Quản Trị duy trì hoạt động phù hợp với quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật, bảo đảm yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả của các nghị quyết/quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

6. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị

Không có.

7. Hoạt động của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm chỉ đạo chung các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều Lệ cũng như theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Định hướng và chỉ đạo chính sách, kế hoạch, nhiệm vụ hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
- Triệu tập, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
- Tổ chức việc thông qua các nghị quyết/quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- Giám sát quá trình tổ chức, triển khai thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- Chủ tọa cuộc họp của các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị.

8. Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2024

Hội Đồng Quản Trị đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống... đều được thảo luận, kiểm soát một cách chặt chẽ giữa Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc. Quá trình thực thi hoạt động của Công Ty được diễn ra theo cơ chế phân quyền rõ ràng, luôn được phân tích, đánh giá rủi ro một cách kịp thời nhằm bảo đảm sự ổn định, an toàn cũng như đạt được kế hoạch do Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã đề ra.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY KHÁC NĂM 2024

Qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ cũng như báo cáo theo yêu cầu, Hội Đồng Quản Trị đánh giá Tổng Giám Đốc và những người quản lý của Công Ty đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

V. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, Hội Đồng Quản Trị tiếp tục đặt mục tiêu phát triển ổn định, bền vững và tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, hướng đến Công Ty hoạt động an toàn, tăng năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh với bối cảnh thị trường tại từng thời điểm. Trên cơ sở đó, định hướng hoạt động của Hội Đồng Quản Trị như sau:

- *Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng:* Tiếp tục mở rộng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên nền tảng các hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty chứng khoán; tăng cường chất lượng sản phẩm và tiện ích dịch vụ để nâng cao trải nghiệm và đáp ứng kỳ vọng ngày càng cao của khách hàng và nhà đầu tư.
- *Đẩy mạnh chuyển đổi số và đổi mới mô hình kinh doanh:* Triển khai số hóa toàn diện trong các hoạt động nghiệp vụ và quản trị; ứng dụng công nghệ để cải tiến mô hình kinh doanh, giúp nâng cao năng suất, tính linh hoạt trong hoạt động của Công Ty.
- *Tái cấu trúc tổ chức phù hợp với xu hướng số hóa:* Rà soát và tinh gọn cơ cấu tổ chức, nhân sự, phù hợp với mô hình hoạt động trong bối cảnh chuyển đổi số, từ đó nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành.
- *Tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ:* Duy trì và củng cố hệ thống quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, bảo đảm việc nhận diện rủi ro sớm và có giải pháp xử lý kịp thời nhằm hạn chế tối đa rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công Ty.

- *Huy động vốn thông qua phát hành trái phiếu:* Triển khai kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu với tổng hạn mức tối đa 3.000 tỷ đồng nhằm mục đích cơ cấu lại nợ trái phiếu của Công Ty và/hoặc bổ sung nguồn vốn trung, dài hạn cho các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công Ty.
- *Triển khai các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ mới:* Tích cực nghiên cứu và triển khai các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ mới phù hợp với các định hướng, hướng dẫn, chấp thuận từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.

Hội Đồng Quản Trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình để thực hiện nhiệm vụ một cách trách nhiệm, chuyên nghiệp, bảo đảm lợi ích của Công Ty và các cổ đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung “**Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025**”.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu VT.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: BC-BKS/ĐHĐCĐTN2025

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2025**

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát;
- Căn cứ Kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2024;

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua “**Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025**” với các nội dung cụ thể như sau:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2024

Ban Kiểm Soát gồm 03 (ba) thành viên, với tư cách là đại diện cổ đông thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và đưa ra các kiến nghị cần thiết nhằm hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro cũng như nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp tại Công Ty. Trong năm 2024, Ban Kiểm Soát đã thực hiện các hoạt động giám sát như sau:

- a. Tham gia các cuộc họp giữa Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc nhằm thực hiện chức năng giám sát thường xuyên đối với tình hình hoạt động của Công Ty. Qua đó, Ban Kiểm Soát kịp thời theo dõi, đánh giá việc sử dụng tài sản, vốn và hoạt động của Công Ty, bảo đảm tính hiệu quả và phù hợp với mục tiêu mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.
- b. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy định nội bộ của Công Ty; cũng như kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc.
- c. Giám sát định kỳ các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công Ty.
- d. Cùng cố hệ thống quản trị nội bộ thông qua việc rà soát, đánh giá các báo cáo của đơn vị/bộ phận Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro.
- e. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính của Công Ty.
- f. Xem xét các báo cáo định kỳ của Công Ty, bao gồm báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán sử dụng vốn, báo cáo tỷ lệ an toàn vốn và các báo cáo trọng yếu khác của Công Ty, nhằm bảo đảm tính chính xác, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- g. Xây dựng và ban hành kế hoạch làm việc của Ban Kiểm Soát nhằm định hướng rõ ràng các nhiệm vụ, trách nhiệm và phương thức kiểm tra, giám sát, nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát năm 2024

Trong năm 2024, Ban Kiểm Soát đã thực hiện 02 (hai) cuộc họp Ban Kiểm Soát vào ngày 24/04/2024 và ngày 27/12/2024 với các nội dung như sau: (1) Thông qua kế hoạch làm việc của Ban Kiểm Soát trong năm 2024; và (2) Kiểm tra, đánh giá toàn diện tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và các giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan trong năm 2024.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty

a. Kết quả giám sát tình hình hoạt động của Công Ty

Các hoạt động của Công Ty trong năm 2024 được thực hiện theo kế hoạch hoạt động đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024, phù hợp với kế hoạch trung, dài hạn và định hướng phát triển của Công Ty.

Năm 2024, mặc dù tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng Công Ty đã đạt được những kết quả kinh doanh đáng ghi nhận. Cụ thể, Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024 đã thông qua kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2024 của Công Ty với doanh thu là 2.552 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 358 tỷ đồng. Kết quả năm 2024, tổng doanh thu đạt gần 2.106 tỷ đồng, giảm 28% so với năm 2023 và lợi nhuận trước thuế đạt hơn 481 tỷ đồng, tăng mạnh gần 70% so với năm 2023. Với kết quả đạt được, mặc dù Công Ty không hoàn thành được doanh thu đã đề ra nhưng lợi nhuận đã vượt hơn 34% chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận của năm 2024.

b. Kết quả giám sát tình hình tuân thủ quy định pháp luật, Điều Lệ và Quy chế nội bộ quản trị của Công Ty

Ban Kiểm Soát đánh giá Công Ty đã thực hiện và tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ; tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Tuy nhiên, Công Ty vẫn tồn tại một số sơ sót trong quá trình hoạt động, cụ thể là Công Ty bị nhắc nhở chậm báo cáo với Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam (VNX) khi có thay đổi các quy trình nghiệp vụ và tài liệu phục vụ giao dịch thuộc quy định phải báo cáo và chậm nộp tờ khai thuế VAT của Chi nhánh Hà Nội trong Quý III/2024 theo Thông báo số 63282/QĐ-CTHN-KK-XPVPHC ngày 28/11/2024 của Tổng cục Thuế (chậm nộp tờ khai thuế 13 ngày).

c. Kết quả giám sát tình hình tuân thủ quy định quản trị theo Điều Lệ và Quy chế nội bộ quản trị của Công Ty

Trong năm 2024, Đại Hội Đồng Cổ Đông đã thông qua việc miễn nhiệm, bầu bổ sung một số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty.

Đối với cơ cấu Hội Đồng Quản Trị, Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc tăng số lượng từ 05 lên 07 thành viên Hội Đồng Quản Trị, theo đó bầu bổ sung Ông Tạ Quang Lương, Bà Phạm Thị Huyền Trang, Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng, Ông Lê Quốc Hùng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Đối với cơ cấu Ban Kiểm Soát, Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với Bà Đinh Thị Ngọc Mai (Trưởng Ban Kiểm Soát) và Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm (Thành viên Ban Kiểm Soát), đồng thời bầu bổ sung Bà Phạm Thị Thanh Tâm và Ông Nguyễn Trát Minh Phương làm thành viên Ban Kiểm Soát nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Trong năm 2024, Hội Đồng Quản Trị đã chấp nhận thông qua việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Văn An thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc của Công Ty theo nguyện vọng cá nhân.

Việc miễn nhiệm, bầu bổ sung, bổ nhiệm các chức danh người quản lý Công Ty nêu trên được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người quản lý Công Ty đã thực hiện nghiêm túc quyền hạn, trách nhiệm của mình, tuân thủ Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan.

d. Kết quả giám sát báo cáo tài chính năm của Công Ty

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	% Thực hiện năm 2024 / Kế hoạch năm 2024	% Thực hiện năm 2024 / Thực hiện năm 2023
Tổng doanh thu	2.918.797	2.551.634	2.105.577	82,52%	72,14%
Doanh thu hoạt động	2.821.596	-	2.077.145	-	73,62%
Doanh thu hoạt động tài chính	5.438	-	5.370	-	98,75%
Thu nhập khác	91.763	-	23.062	-	25,13%
Tổng chi phí	2.635.348	2.193.688	1.624.128	74.04%	61,63%
Chi phí hoạt động	2.034.144	-	970.921	-	47.73%
Chi phí quản lý	133.120	-	135.055	-	101.45%
Chi phí lãi vay	468.076	-	517.821	-	110,63%
Chi phí khác	9	-	331	-	3.677.78%
Lợi nhuận trước thuế	283.448	357.947	481.450	134,50%	169,85%

(Nguồn: Báo cáo tài chính TPS)

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam (E&Y). Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với các quy định của Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp. Công Ty đã có các nội dung giải trình phù hợp đối với các điểm ngoại trừ, nhấn mạnh theo ý kiến của kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty kết thúc tại ngày 31/12/2024.

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu riêng lẻ đối với trái phiếu của Công Ty còn dư nợ đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY. Việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu phù hợp với các quy định của Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

e. Kết quả giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2024, Công Ty đã triển khai các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị trọng yếu như sau:

- (i) Kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính của Công Ty: Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) được lựa chọn là đơn vị kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính 2024.
 - (ii) Kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu của Công Ty còn dư nợ tại thời điểm kiểm toán: Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY được lựa chọn là đơn vị kiểm toán.
 - (iii) Đối với các nội dung được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/04/2024 ("**Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024**"):
- Đã hoàn tất thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo kế hoạch đã đề ra;
 - Đã hoàn tất thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện 12%);
 - Việc thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán thêm cổ phiếu và tăng vốn điều lệ trong năm 2024 như sau:

STT	Kế hoạch	Thực tế
1	Tiếp tục thực hiện đợt phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2023 (tỷ lệ thực hiện 2:1).	Đã hoàn tất thực hiện.
2	Triển khai thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ thực hiện 12%).	Đã hoàn tất thực hiện.
3	Triển khai thực hiện đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (tỷ lệ thực hiện 4,83%).	Không thực hiện.
4	Triển khai thực hiện đợt phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện 2:1,2).	Đã triển khai nhưng đã ngừng thực hiện.

- Việc thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu năm 2024: Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2024 đã thông qua kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu năm 2024 với tổng giá trị mệnh giá phát hành dự kiến là 1.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, căn cứ trên nhu cầu sử dụng vốn thực tế của Công Ty, Công Ty vẫn chưa thực hiện kế hoạch này.

2. Thù lao Ban Kiểm Soát

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2024		Năm 2025
	Kế hoạch (đồng)	Thực tế (đồng)	Kế hoạch (đồng)
Ban Kiểm Soát	160.000.000	160.000.000	140.000.000

Chi tiết thù lao của từng thành viên Ban Kiểm Soát trong năm 2024:

- Bà Đinh Thị Ngọc Mai - Thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát (miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024): 20.000.000 đồng;

- Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm - Thành viên Ban Kiểm Soát (miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024): 16.000.000 đồng;
- Bà Ngô Thị Lệ Thanh - Thành viên Ban Kiểm Soát: 49.000.000 đồng;
- Ông Nguyễn Trát Minh Phương - Thành viên Ban Kiểm Soát (bầu bổ sung từ ngày 24/04/2024): 33.000.000 đồng;
- Bà Phạm Thị Thanh Tâm - Thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát (bầu bổ sung từ ngày 24/04/2024): 42.000.000 đồng.

3. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác của Công Ty và những người có liên quan của đối tượng này; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác của Công Ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

Các giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng nêu trên được phê duyệt/thông qua theo quy định của Điều Lệ và được công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Các giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng nêu trên được liệt kê và công bố tại Báo cáo tình hình quản trị công ty (năm 2024) của Công Ty.

4. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác

Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác đã quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo đúng mục tiêu, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc

Ban Kiểm Soát thường xuyên trao đổi, phối hợp chặt chẽ với Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc và các cấp quản lý về các hoạt động của Công Ty.

Ban Kiểm Soát được cung cấp đầy đủ tài liệu và thông tin liên quan đến tình hình quản trị, hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm, qua đó bảo đảm việc thực hiện kịp thời, hiệu quả chức năng kiểm tra, giám sát đối với việc tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều Lệ tại Công Ty cũng như kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết/quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Công Ty, Ban Kiểm Soát xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2025 như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công Ty nhằm bảo đảm tính tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- Xem xét tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công Ty.
- Rà soát các hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người liên quan của Công Ty để đưa ra khuyến nghị về việc phê duyệt, thông qua các hợp đồng, giao dịch này theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- Giám sát hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và những người quản lý, điều hành khác của Công Ty.

- Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của Ban Kiểm Soát theo quy định của Điều Lệ và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Trên đây là toàn bộ nội dung “**Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025**”.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán và các báo cáo liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công Ty)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;
- Căn cứ tình hình thực tế thực hiện lập, kiểm toán các báo cáo của Công Ty;

I. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty đã kiểm toán

Căn cứ theo Điều 15 của Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 04 năm 2024 thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán độc lập và việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công Ty, Hội Đồng Quản Trị đã thông qua Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 14/2024/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 06 năm 2024 về việc lựa chọn Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) là đơn vị kiểm toán, soát xét các báo cáo tài chính của Công Ty.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y), được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty (www.tpbs.com.vn). Một số chỉ số quan trọng trong Báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty như sau:

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ số	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng tài sản	6.931.757.094.757	11.198.130.697.457
2	Doanh thu	2.918.796.701.756	2.105.577.648.964
3	Lợi nhuận trước thuế	283.448.445.344	481.449.841.543
4	Lợi nhuận sau thuế	228.519.843.820	379.111.428.571
5	Lợi nhuận lũy kế	518.274.763.735	537.388.762.306
6	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	518.274.763.735	537.388.762.306

II. Thông qua các báo cáo liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công Ty

1. Thông qua tình hình thay đổi vốn điều lệ/vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần trong năm 2024

- Căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/04/2024 (“**Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024**”), kế hoạch và thực tế thực hiện tăng vốn điều lệ của Công Ty trong năm 2024 như sau:

STT	Kế hoạch	Thực tế thực hiện
1	Tiếp tục thực hiện Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 (tỷ lệ thực hiện 2:1).	Đã hoàn tất thực hiện.
2	Triển khai thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ thực hiện 12%).	Đã hoàn tất thực hiện.
3	Triển khai thực hiện đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (tỷ lệ thực hiện 4,83%).	Không thực hiện.
4	Triển khai thực hiện đợt phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ thực hiện 2:1,2).	Đã triển khai nhưng đã ngừng thực hiện.

Để làm rõ, “**Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023**” là đợt phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng (thông qua hình thức phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) được Công Ty triển khai thực hiện căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 19/04/2023 (“**Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2023**”) và Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 442/GCN-UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 28/12/2023 (“**Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023**”).

- Tình hình thay đổi vốn điều lệ/vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần của Công Ty trong năm 2024 như sau:

(ĐVT: đồng)

Thời điểm	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
Ngày 01/01/2024	2.000.000.000.000	877.282.000
Ngày 23/04/2024 ⁽¹⁾	3.000.000.000.000	5.916.888.000
Ngày 17/06/2024 ⁽²⁾	3.359.997.430.000	5.916.888.000
Ngày 31/12/2024	3.359.997.430.000	5.916.888.000

Để làm rõ, ⁽¹⁾ Công Ty hoàn tất thực hiện Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023; và ⁽²⁾ Công Ty hoàn tất thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức căn cứ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024 (tỷ lệ thực hiện 12%).

2. Thông qua thực tế phương án sử dụng số tiền thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 đã được kiểm toán

- Căn cứ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ năm 2023 và Nghị quyết Hội Đồng Quản Trị số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 22/11/2023, phương án sử dụng số tiền thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền thông qua như sau:

STT	Khoản mục	Số tiền theo phương án đã được cấp có thẩm quyền thông qua (đồng)
1	Số tiền thu được	1.000.000.000.000
2	Hoạt động tự doanh chứng khoán	700.000.000.000
3	Hoạt động đầu tư vốn	200.000.000.000
4	Hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hợp khác	100.000.000.000

5	Số tiền sử dụng (5=2+3+4)	1.000.000.000.000
6	Chênh lệch số tiền thu được và số tiền sử dụng (bù đắp bằng nguồn vốn khác) (6=1-5)	0

- Căn cứ theo Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán Công Ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y), phương án sử dụng số tiền thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 thực tế như sau:

STT	Khoản mục	Số tiền thực tế (đồng)
1	Số tiền thu được	1.005.039.606.000
2	Hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết	137.856.620.000
3	Hoạt động đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	136.064.423.315
4	Hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ	101.157.600.000
5	Hoạt động đầu tư chứng chỉ tiền gửi	530.000.000.000
6	Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	99.999.868.827
7	Số tiền sử dụng (7=2+3+4+5+6)	1.005.078.512.142
8	Chênh lệch số tiền thu được và số tiền sử dụng (bù đắp bằng nguồn vốn khác) (8=1-7)	(38.906.142)

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2025/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;
- Căn cứ thực tế chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2024;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua báo cáo chi trả thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2024 và kế hoạch thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát năm 2025:

1. Thù lao Hội Đồng Quản Trị

(ĐVT: đồng)

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2024		Năm 2025
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
Hội Đồng Quản Trị	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000

Chi tiết thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị trong năm 2024:

- (i) Ông Đỗ Anh Tú - Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị: 280.000.000 đồng;
- (ii) Bà Trương Thị Hoàng Lan - Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị: 280.000.000 đồng;
- (iii) Bà Bùi Thị Thanh Trà - Thành viên Hội Đồng Quản Trị: 140.000.000 đồng;
- (iv) Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng - Thành viên Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 100.000.000 đồng;
- (v) Bà Phạm Thị Huyền Trang - Thành viên Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 100.000.000 đồng;
- (vi) Ông Tạ Quang Lương - Thành viên Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 100.000.000 đồng;
- (vii) Ông Lê Quốc Hùng - Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị (bầu bổ sung từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 100.000.000 đồng.

2. Thù lao Ban Kiểm Soát

(ĐVT: đồng)

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2024		Năm 2025
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
Ban Kiểm Soát	160.000.000	160.000.000	160.000.000

Chi tiết thù lao của từng thành viên Ban Kiểm Soát trong năm 2024:

- (i) Bà Đinh Thị Ngọc Mai - Thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 20.000.000 đồng;
- (ii) Bà Phạm Thị Thanh Tâm - Thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát (bầu bổ sung từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 42.000.000 đồng;
- (iii) Bà Đặng Sĩ Thùy Tâm - Thành viên Ban Kiểm Soát (miễn nhiệm từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 16.000.000 đồng;
- (iv) Bà Ngô Thị Lệ Thanh - Thành viên Ban Kiểm Soát: 49.000.000 đồng;
- (v) Ông Nguyễn Trát Minh Phương - Thành viên Ban Kiểm Soát (bầu bổ sung từ ngày 24 tháng 04 năm 2024): 33.000.000 đồng.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2025/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025 của Công Ty;

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Thông qua báo cáo về việc chi trả cổ tức và trích lập các quỹ, dự phòng từ lợi nhuận sau thuế

(ĐVT: đồng)

STT	Khoản mục	Số liệu
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chốt tại ngày 31/12/2023 (căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)	518.274.763.735
2	Lợi nhuận sau thuế thực hiện trong năm 2024	379.111.428.571
3	Chi trả cổ tức thực hiện trong năm 2024 (*)	359.997.430.000
4	Trích lập quỹ các quỹ, dự phòng trong năm 2024	0
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chốt tại ngày 31/12/2024 (căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán) (5=1+2-3-4)	537.388.762.306

(*) Chi trả cổ tức thực hiện trong năm 2024 trong năm cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ của Công Ty tại thời điểm thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **3.000.000.000.000 đồng**, tương ứng với số cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành khi thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **300.000.000** cổ phiếu.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức là **12% (100:12)**, áp dụng nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ bị hủy bỏ.
- Ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là **ngày 17/06/2024**.
- Số cổ phiếu thực tế đã phân phối khi thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là **35.999.743 cổ phiếu**, tương ứng với số tiền là **359.997.430.000 đồng**.
- Vốn điều lệ của Công Ty sau khi thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **3.359.997.430.000 đồng**, tương ứng với số cổ phiếu lưu hành sau khi thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức là **335.999.743** cổ phiếu.

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Công Ty đáp ứng các điều kiện được thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định của Điều Lệ và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Tuy nhiên, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế của Công Ty dự kiến được sử dụng cho kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của Công Ty trong năm 2025; do vậy, Công Ty không phân phối lợi nhuận lũy kế.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2025/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với tổng hạn mức phát hành trái phiếu là 3.000 tỷ đồng)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty;

Nhằm bảo đảm nhu cầu vốn cho kế hoạch hoạt động của Công Ty trong năm 2025, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG KẾ HOẠCH PHÁT HÀNH/CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CỦA CÔNG TY

Tổ chức phát hành	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
Loại hình Trái Phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có hoặc không có bảo đảm (“ Trái Phiếu ”).
Mệnh giá Trái Phiếu	Tùy thuộc phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và theo quy định của pháp luật có liên quan, mệnh giá Trái Phiếu có thể là 100.000 đồng/Trái Phiếu (<i>một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu</i>) hoặc 100.000.000 đồng/Trái Phiếu (<i>một trăm triệu đồng một Trái Phiếu</i>) hoặc mức khác là bội số của 100.000 đồng (<i>một trăm nghìn đồng</i>).
Giá phát hành/chào bán Trái Phiếu	Theo mệnh giá Trái Phiếu.
Đồng tiền phát hành và thanh toán Trái Phiếu	Đồng Việt Nam (đồng).
Tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu phát hành	Tối đa 3.000.000.000.000 đồng (ba nghìn tỷ đồng) (“ Hạn Mức Trái Phiếu ”). Để làm rõ, tổng giá trị Hạn Mức Trái Phiếu được tính là tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu được phát hành/chào bán thành công của tất cả các đợt phát hành trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 cho đến ngày bắt đầu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm liên kế tiếp theo. Trong phạm vi Hạn Mức Trái Phiếu nêu trên, Công Ty sẽ thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu thông qua một hoặc chia thành nhiều đợt phát hành/chào bán Trái Phiếu (mỗi đợt phát hành/chào bán Trái Phiếu như vậy được gọi là “ Đợt Phát Hành ”).

	Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể tổng giá trị mệnh giá Trái Phiếu phát hành trong từng Đợt Phát Hành tùy thuộc vào nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Tài sản bảo đảm của Trái Phiếu (nếu có)	Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn các tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Công Ty và/hoặc bên thứ ba và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác được pháp luật cho phép nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.
Kỳ hạn của Trái Phiếu	Tối đa 05 (năm) năm kể từ ngày phát hành của từng Đợt Phát Hành. Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể kỳ hạn của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Lãi suất Trái Phiếu	Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể mức lãi suất và/hoặc nguyên tắc, phương thức xác định lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành, bảo đảm việc huy động vốn của Công Ty hiệu quả, phù hợp với tình hình thị trường tại từng thời điểm.
Kỳ tính lãi của Trái Phiếu	Định kỳ 03 tháng/lần, 06 tháng/lần, 12 tháng/lần hoặc thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể kỳ tính lãi của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với nhu cầu vốn và tình hình tài chính của Công Ty tại từng thời điểm.
Phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu	Phát hành trái phiếu riêng lẻ hoặc phát hành đại chúng/chào bán ra công chúng. Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Đối tượng tham gia mua Trái Phiếu	Các tổ chức kinh tế, định chế tài chính, tổ chức tín dụng, nhà đầu tư chứng khoán cá nhân/tổ chức có nhu cầu đầu tư Trái Phiếu bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.
Thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu	Tiền gốc của Trái Phiếu được thanh toán một lần tại ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn của Trái Phiếu. Tiền lãi của Trái Phiếu được thanh toán định kỳ theo kỳ tính lãi của Trái Phiếu.
Thời gian phát hành/chào bán Trái Phiếu	Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể thời gian thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
Mua lại Trái Phiếu trước ngày đáo hạn	Công Ty có thể mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu đã được phát hành trước ngày đáo hạn của Trái Phiếu. Việc mua lại Trái Phiếu trước hạn được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định cụ thể tại các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu có liên quan.

Mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu	Tùy thuộc vào phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu và bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, Công Ty có thể phát hành/chào bán Trái Phiếu cho một, một số hoặc tất cả các mục đích sau đây: (i) Cơ cấu nợ của Công Ty; (ii) Nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn của Công Ty để thực hiện các nghiệp vụ tự doanh, tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán và/hoặc các nghiệp vụ, hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của Công Ty; và/hoặc (iii) Huy động vốn nhằm thực hiện hoạt động đầu tư của Công Ty, bao gồm thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, góp vốn đầu tư, mua cổ phần/phần vốn góp hoặc thực hiện đầu tư vốn dưới hình thức khác để phát triển quy mô hoạt động của Công Ty.
Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu	Việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu phải bảo đảm tuân thủ mục đích phát hành/chào bán Trái Phiếu theo phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư. Hội Đồng Quản Trị căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công Ty để cân đối việc sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu phù hợp với quy định nêu trên, bảo đảm việc sử dụng vốn tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Công Ty.
Nguồn thanh toán tiền gốc và lãi của Trái Phiếu	Tiền gốc và lãi của Trái Phiếu sẽ được thanh toán từ: (i) Nguồn tiền mặt của Công Ty tại thời điểm thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu; (ii) Dòng tiền thu được từ hoạt động của Công Ty; (iii) Các tài sản và nguồn tiền hợp pháp khác của Công Ty.
Đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết đối với Trái Phiếu mới được phát hành thành công trong Đợt Phát Hành	Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc đăng ký, lưu ký tại Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch/niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX)/Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) (phù hợp với phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và quy định của pháp luật) đối với toàn bộ số lượng Trái Phiếu mới được phát hành thành công trong Đợt Phát Hành. Đại Hội Đồng Cổ Đông giao/ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị triển khai thực hiện và quyết định chi tiết các vấn đề liên quan đến việc thực hiện thủ tục đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/niêm yết đối với toàn bộ số lượng Trái Phiếu mới được phát hành thành công trong Đợt Phát Hành.

II. THÔNG QUA NỘI DUNG VỀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phù hợp với chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán Trái Phiếu nêu trên, Hội Đồng Quản Trị có quyền hạn, trách nhiệm quyết định, phê duyệt, thông qua, triển khai thực hiện tất cả các vấn đề liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu, cụ thể:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a. Quyết định phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành: phát hành riêng lẻ hoặc phát hành đại chúng/chào bán ra công chúng;
 - b. Quyết định các điều khoản, điều kiện cụ thể của Trái Phiếu được phát hành trong từng Đợt Phát Hành phù hợp với phương thức phát hành/chào bán Trái Phiếu, loại hình Trái Phiếu, mệnh giá Trái Phiếu, lãi suất Trái Phiếu và nguyên tắc, phương thức xác định lãi suất Trái Phiếu, kỳ hạn của Trái Phiếu, thời điểm phát hành Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành, số lượng Trái Phiếu phát hành của từng Đợt Phát Hành;
 - c. Quyết định lựa chọn tiêu chí, danh sách đối tượng phát hành, đối tượng nhà đầu tư tham gia từng Đợt Phát Hành, đối tượng giao dịch mua bán Trái Phiếu;
 - d. Các khoản chi phí liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng và trả nợ số tiền thu được từ việc phát hành/chào bán Trái Phiếu (bao gồm việc quyết định nội dung về phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt phát hành/chào bán Trái Phiếu để thực hiện dự án trong trường hợp Công Ty phát hành/chào bán Trái Phiếu nhằm mục đích huy động vốn để thực hiện dự án) trên cơ sở bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với kế hoạch hoạt động của Công Ty.
3. Quyết định các vấn đề liên quan đến việc tạo lập biện pháp bảo đảm cho Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn: hình thức của biện pháp bảo đảm (cầm cố, thế chấp, bảo lãnh thanh toán của bên thứ ba và/hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm hợp pháp nào khác); chủng loại, số lượng, giá trị tài sản bảo đảm; việc thay đổi biện pháp bảo đảm và/hoặc tài sản bảo đảm tại từng thời điểm; các điều khoản, điều kiện, cam kết liên quan đến các tài liệu của biện pháp bảo đảm; các tài liệu liên quan đến tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, định giá tài sản bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, thứ tự thanh toán của nhà đầu tư khi xử lý tài sản bảo đảm và các tài liệu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh có liên quan; các thủ tục nhằm hoàn tất việc tạo lập biện pháp bảo đảm cho Trái Phiếu.
4. Quyết định việc đàm phán, ký kết, tổ chức thực hiện các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu.
5. Quyết định, hoàn thiện chi tiết nội dung phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu của từng Đợt Phát Hành và/hoặc sửa đổi, bổ sung chi tiết phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu khi cần thiết để bảo đảm việc phát hành/chào bán Trái Phiếu tuân thủ quy định của pháp luật tại từng thời điểm, phù hợp với tình hình thị trường và bảo đảm việc huy động vốn của Công Ty hiệu quả.
6. Quyết định nội dung toàn bộ hồ sơ, tài liệu để thực hiện thủ tục phát hành/chào bán Trái Phiếu theo quy định của pháp luật và/hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
7. Quyết định và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến đăng ký, lưu ký Trái Phiếu tại VSDC và đăng ký giao dịch/nhiêm yết Trái Phiếu tại HNX/HOSE (phù hợp với phương án phát hành/chào bán Trái Phiếu và quy định của pháp luật), bao gồm nhưng không giới hạn việc quyết định số lượng Trái Phiếu được đăng ký; thời điểm thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/nhiêm yết Trái Phiếu; các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/nhiêm yết Trái Phiếu; làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ, thủ tục đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/nhiêm yết và/hoặc bất kỳ vấn đề nào khác liên quan đến đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch/nhiêm yết Trái Phiếu.

8. Quyết định, thông qua nội dung hồ sơ, tài liệu phát hành Trái Phiếu của Đợt Phát Hành và hồ sơ đăng ký, lưu ký Trái Phiếu tại VSDC, hồ sơ đăng ký giao dịch/niêm yết Trái Phiếu tại HNX/HOSE sau khi hoàn tất thực hiện Đợt Phát Hành và/hoặc bất kỳ văn bản, hồ sơ, tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận cần thiết khác liên quan đến và/hoặc phát sinh từ việc thực hiện Đợt Phát Hành.
9. Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc phát hành/chào bán Trái Phiếu nhằm thực hiện kế hoạch phát hành/chào bán Trái Phiếu được thông qua như trên.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị sẽ giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị nêu trên.

Hội Đồng Quản Trị báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện phát hành/chào bán Trái Phiếu tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2025/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua các giao dịch giữa Công Ty và TPBank)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty (“**Điều Lệ**”);

Xét vì: (i) Công Ty có thể phát sinh một số giao dịch với Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (“**TPBank**”) trong quá trình hoạt động của Công Ty; và (ii) các giao dịch giữa Công Ty với TPBank là các giao dịch giữa Công Ty với người liên quan của Công Ty thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Điều Lệ (tùy từng trường hợp áp dụng);

Do đó, Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua các giao dịch giữa Công Ty và TPBank với các nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG QUA CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VÀ TPBANK

1. Thông qua giao dịch vay giữa Công Ty và TPBank

- a. **Nội dung giao dịch:** Giao dịch vay, giao dịch khác có tính chất tương tự với giao dịch cấp tín dụng/cho vay theo quy định của TPBank phù hợp với quy định của pháp luật; và giao dịch bảo đảm cho giao dịch vay giữa Công Ty và TPBank (gọi chung là “**giao dịch vay**”).
- b. **Giá trị giao dịch:** Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận ủy quyền/giao cho Hội Đồng Quản Trị quyết định và chấp thuận thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị trong việc quyết định tất cả các giao dịch vay giữa Công Ty và TPBank phát sinh tại từng thời điểm. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị được quyền quyết định số tiền vay, hạn mức vay và/hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch vay cụ thể phát sinh tại từng thời điểm phù hợp với nhu cầu vốn của Công Ty, bảo đảm là tại mọi thời điểm tổng dư nợ vay của Công Ty tại TPBank không vượt quá **3.000 tỷ đồng** hoặc **35%** tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất xét tại thời điểm phát sinh hợp đồng, giao dịch vay (*tùy thuộc vào giá trị nào nhỏ hơn*).

2. Thông qua giao dịch khác giữa Công Ty và TPBank

- a. **Nội dung giao dịch:** Giao dịch thường xuyên, phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Công Ty; giao dịch tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi; giao dịch cung cấp, sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, chứng khoán; giao dịch mua bán chứng khoán, giấy tờ có giá, tài sản đầu tư... và/hoặc giao dịch đầu tư khác giữa Công Ty và TPBank phù hợp với quy định của pháp luật.
- b. **Giá trị giao dịch:** Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận ủy quyền/giao cho Hội Đồng Quản Trị quyết định và chấp thuận thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị trong việc quyết định tất cả các giao dịch giữa Công Ty và TPBank thuộc nội dung giao dịch nêu trên phát sinh tại từng thời điểm. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị được quyền quyết định giá trị hợp đồng, giao dịch cụ thể phát sinh tại từng

thời điểm phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công Ty, bảo đảm là giá trị mỗi hợp đồng, giao dịch không vượt quá **3.000 tỷ đồng** hoặc **35%** tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất xét tại thời điểm phát sinh hợp đồng, giao dịch vay (*tùy thuộc vào giá trị nào nhỏ hơn*).

II. THÔNG QUA NỘI DUNG VỀ QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho mục đích triển khai thực hiện giao dịch giữa Công Ty và TPBank, trong phạm vi được giao/ủy quyền bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông như trên và trong phạm vi thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan, Hội Đồng Quản Trị sẽ phê duyệt, thông qua, chấp thuận, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến giao dịch giữa Công Ty và TPBank, bao gồm:

1. Hội Đồng Quản Trị quyết định cụ thể hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với TPBank phù hợp với nhu cầu hoạt động của Công Ty; Hội Đồng Quản Trị ban hành/đưa ra quyết định, tổ chức triển khai thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với TPBank phát sinh tại từng thời điểm.
2. Hội Đồng Quản Trị quyết định phương án, chi tiết nội dung giao dịch, thời điểm thực hiện và tất cả các vấn đề liên quan giao dịch giữa Công Ty với TPBank; và hoàn tất thực hiện tất cả các thủ tục, ban hành/thông qua/quyết định các nội dung, điều khoản của hợp đồng/thỏa thuận, văn bản, hồ sơ, giấy tờ cần thiết theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với TPBank.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị sẽ giao/phân công/ủy quyền lại đối với một phần hoặc toàn bộ các nội dung công việc thuộc quyền hạn, trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị nêu trên.

Hội Đồng Quản Trị báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về các hợp đồng, giao dịch phát sinh giữa Công Ty và TPBank tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất.

III. NỘI DUNG KHÁC

1. Việc Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết thông qua Tờ trình này sẽ có giá trị tương đương với việc Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với TPBank theo quy định của Điều Lệ áp dụng đối với việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan của Công Ty.
2. Cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong giao dịch sẽ không có quyền biểu quyết đối với Tờ trình này.
3. Các nội dung được thông qua theo Tờ trình này sẽ có hiệu lực áp dụng trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 cho đến ngày bắt đầu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm liền kề tiếp theo hoặc cho đến ngày mà Công Ty và TPBank chấm dứt là người có liên quan theo quy định của Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng).

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(*ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

Nơi nhân:

- *Như kính gửi;*
- *Lưu VT.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2025/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 04 năm 2024 (“**Điều Lệ 24/04/2024**”);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty được Đại Hội Đồng Cổ Đông được cập nhật vào ngày 17 tháng 12 năm 2024 (“**Điều Lệ 17/12/2024**”);

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về việc thực hiện cập nhật Điều Lệ 24/04/2024 và ban hành Điều Lệ 17/12/2024

Căn cứ theo Điều Lệ 24/04/2024, tại Phụ Lục 01 - Vốn Điều Lệ, mức vốn điều lệ mới nhất của Công Ty được ghi nhận như sau:

STT	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VND)	Ghi chú
...	...	...	...
7	19/04/2024	3.000.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/04/2024

Công Ty đã hoàn tất thực hiện tăng vốn điều lệ lên 3.359.997.430.000 đồng thông qua việc thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (tỷ lệ thực hiện 12%) theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24/04/2024.

Sau khi hoàn tất thực hiện tăng vốn điều lệ như trên, trên cơ sở Điều Lệ 24/04/2024, Công Ty cập nhật và ban hành Điều Lệ 17/12/2024 để ghi nhận mức vốn điều lệ mới nhất của Công Ty như sau:

STT	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VND)	Ghi chú
...	...	...	...
9	26/08/2024	3.359.997.430.000	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26/08/2024

Để làm rõ, ngoài nội dung liên quan đến vốn điều lệ của Công Ty được sửa đổi, cập nhật tại Điều Lệ 17/12/2024 như trên, tất cả khác nội dung khác của Điều Lệ 24/04/2024 và Điều Lệ 17/12/2024 (gọi chung là “**Điều Lệ 2024**”) là đồng nhất.

2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ 2024 và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động mới của Công Ty (“Điều Lệ 2025”)

Cụ thể, nội dung của Điều Lệ 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Điều Lệ 2025 nhằm bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan và phù hợp với thực tế hoạt động của Công Ty. Điều Lệ 2025 sẽ có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua, thay thế cho Điều Lệ 2024.

STT	Điều khoản	Nội dung sửa đổi, bổ sung		Ghi chú
		Điều Lệ 2024	Điều Lệ 2025	
1	Điều 20.2.a	“a. Theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể giảm Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây: ... (iii) Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động”.	Bỏ quy định giảm vốn điều lệ trong trường hợp mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động.	Điều chỉnh nhằm phù hợp với quy định được sửa đổi, bổ sung của Luật Chứng Khoán.

Ngoài các nội dung được liệt kê như trên, các sửa đổi, bổ sung khác về cách thức bố trí, cấu trúc, câu từ và dẫn chiếu trong Điều Lệ 2025 chỉ nhằm mục đích bảo đảm rõ ràng, thống nhất về hình thức toàn bộ văn bản, không thay đổi nội dung, ý nghĩa so với Điều Lệ 2024.

Dự thảo Điều Lệ 2025 được đính kèm Tờ trình này và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty (www.tpbs.com.vn).

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	3
Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công Ty	4
Điều 5. Dấu của Công Ty	4
CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG	5
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
Điều 7. Mục tiêu hoạt động	5
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty	5
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	7
Điều 9. Vốn Điều Lệ	7
Điều 10. Cơ cấu cổ phần	7
Điều 11. Cổ đông	8
Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông	9
Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết	10
Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức	10
Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại	10
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức	11
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông	12
Điều 19. Cổ phiếu và các chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ	13
Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	14
Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần	15
Điều 23. Chào bán trái phiếu	15
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	15
Điều 24. Nguyên tắc quản trị, điều hành	15
Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý	15
MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	15
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông	16
Điều 27. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	16

Điều 28.	Triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông	17
Điều 29.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	18
Điều 30.	Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	19
Điều 31.	Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	19
Điều 32.	Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	20
Điều 33.	Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	20
Điều 34.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông	21
Điều 35.	Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông	22
Điều 36.	Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua	23
Điều 37.	Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông	24
Điều 38.	Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông	25
Điều 39.	Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông	25
Điều 40.	Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông	26
MỤC 2.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 41.	Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị	26
Điều 42.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị	28
Điều 43.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị	28
Điều 44.	Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị	29
Điều 45.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị	30
Điều 46.	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	31
Điều 47.	Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị	32
Điều 48.	Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị	34
Điều 49.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị	34
Điều 50.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị	35
Điều 51.	Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị	35
Điều 52.	Người phụ trách quản trị Công Ty	36
Điều 53.	Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị	36
Điều 54.	Quản trị rủi ro	37
MỤC 3.	BAN KIỂM SOÁT	39
Điều 55.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát	39
Điều 56.	Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát	40
Điều 57.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát	41
Điều 58.	Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát	42
Điều 59.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát	42
Điều 60.	Cuộc họp của Ban Kiểm Soát	43

Điều 61.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên.....	43
Điều 62.	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên	43
MỤC 4.	TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 63.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	44
Điều 64.	Người điều hành khác	44
Điều 65.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc.....	44
Điều 66.	Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc.....	45
Điều 67.	Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc	46
CHƯƠNG VI.	NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	47
Điều 68.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công Ty.....	47
Điều 69.	Công khai các lợi ích liên quan	48
Điều 70.	Giao dịch với người có liên quan	49
Điều 71.	Giao dịch với cổ đông, người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này.....	49
Điều 72.	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	49
Điều 73.	Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty	50
Điều 74.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	51
Điều 75.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc	51
Điều 76.	Công khai thông tin.....	51
CHƯƠNG VII.	CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	52
Điều 77.	Công nhân viên và công đoàn.....	52
CHƯƠNG VIII.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ.....	52
Điều 78.	Trả cổ tức.....	52
Điều 79.	Xử lý lỗ trong kinh doanh	53
Điều 80.	Trích lập các quỹ	53
CHƯƠNG IX.	TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	53
Điều 81.	Tài khoản ngân hàng	54
Điều 82.	Năm tài chính.....	54
Điều 83.	Chế độ kế toán	54
CHƯƠNG X.	CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	54
Điều 84.	Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị.....	54
Điều 85.	Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát.....	55
Điều 86.	Chế độ báo cáo.....	56
Điều 87.	Công bố thông tin.....	56

Điều 88. Tổ chức công bố thông tin.....	57
CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	57
Điều 89. Kiểm toán.....	57
CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY.....	57
Điều 90. Tổ chức lại Công Ty.....	57
Điều 91. Tạm ngừng hoạt động.....	58
Điều 92. Giải thể Công Ty.....	58
Điều 93. Thanh lý tài sản.....	58
Điều 94. Phá sản Công Ty.....	59
CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	59
Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ	59
CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	59
Điều 96. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....	60
Điều 97. Ngày hiệu lực.....	60
PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ	61

CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh Nghiệp số 03/2022/QH15 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022;
3. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng Khoán;
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán số 56/2024/QH15 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024;
5. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
6. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính Phủ quy định về quản lý và sử dụng con dấu;
7. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
8. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
9. Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán;
10. Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
11. Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 của Bộ Tài Chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC;
12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán.

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG
PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động này (“**Điều Lệ**”) của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong được thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 27 tháng 06 năm 2025.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều Lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “**Công Ty**” là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong.
 - b. “**Giấy phép thành lập và hoạt động**” là Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (tên trước đây của Công Ty) và các giấy phép của Công Ty được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - c. “**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**” là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty với mã số doanh nghiệp là 0304814339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
 - d. “**Vốn Điều Lệ**” là vốn điều lệ của Công Ty được quy định tại Điều 9 của Điều Lệ.
 - e. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty¹.
 - f. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty².
 - g. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác³.
 - h. “**Người quản lý Công Ty**” hoặc “**Người quản lý**” là người quản lý Công Ty bao gồm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng⁴.
 - i. “**Người điều hành Công Ty**” hoặc “**Người điều hành**” là người điều hành Công Ty bao gồm Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng.
 - j. “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.

¹ Khoản 3 Điều 4 LDN 2020

² Khoản 18 Điều 4 LCK 2019

³ Khoản 5 Điều 4 LDN 2020

⁴ Khoản 24 Điều 4 LDN 2020

- k. **“Người có quan hệ gia đình”** là người trong các mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp.
- l. **“Tỷ lệ sở hữu nước ngoài”** là tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tính trên Vốn Điều Lệ của Công Ty. Trong trường hợp này, nhà đầu tư nước ngoài được xác định bao gồm tất cả nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế đó.
- m. **“Luật Doanh Nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh Nghiệp số 03/2022/QH15 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.
- n. **“Luật Chứng Khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán số 56/2024/QH15 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024.
2. Trong Điều Lệ này, việc tham chiếu đến bất kỳ văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của văn bản đó.
3. Các tiêu đề (Điểm, Khoản, Điều, Mục, Chương của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện theo dõi việc đọc hiểu và không ảnh hưởng đến việc diễn giải nội dung, ý nghĩa của Điều Lệ này.
4. Trừ trường hợp Điều Lệ này có định nghĩa khác, các từ hoặc thuật ngữ được sử dụng trong Điều Lệ này sẽ có nghĩa tương tự như trong Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ CHÍNH, MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, mạng lưới hoạt động, thời hạn hoạt động

1. Tên Công Ty:
- Tên bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG
 - Tên bằng tiếng Anh: TIEN PHONG SECURITIES CORPORATION
 - Tên giao dịch: TP SECURITIES
 - Tên viết tắt: TPS
2. Công Ty là một công ty cổ phần, có đầy đủ tư cách pháp nhân phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
3. Trụ sở chính của Công Ty:
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Doji, số 81-83-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: (028) 39118014 Fax: (028) 39118015
 - Email: tpbs@tpbs.com.vn Website: www.tpbs.com.vn
4. Mạng lưới hoạt động của Công Ty:

- a. Công Ty có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi quy định của pháp luật cho phép;
 - b. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc Công Ty và Công Ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
 - c. Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công Ty kèm theo cụm từ “chi nhánh”, “phòng giao dịch” hoặc “văn phòng đại diện” và tên riêng để phân biệt;
 - d. Công Ty chỉ thực hiện các hoạt động kinh doanh tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch phù hợp với Giấy phép thành lập và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch tương ứng đã được cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
 - e. Tại ngày ban hành Điều Lệ này, Công Ty có 01 (một) chi nhánh với thông tin như sau⁵:
 - Tên chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội;
 - Địa chỉ chi nhánh: Tầng 12, Doji Tower, Số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội.
5. Thời hạn hoạt động của Công Ty bắt đầu từ ngày Công Ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi Công Ty chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật⁶

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công Ty có thể có 01 (một) hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Các trường hợp cụ thể như sau:
 - a. Trường hợp Công Ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc.
 - b. Trường hợp Công Ty có hơn 01 (một) người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Công Ty lựa chọn đăng ký Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Người đại diện theo pháp luật đã đăng ký là người chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

⁵ Điểm a Khoản 2 Điều 24 LDN 2020

⁶ Điều 12 LDN 2020 và Điều 182 NB 155/2020/NĐ-CP

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty tại từng thời điểm do Hội Đồng Quản Trị quyết định, trừ trường hợp pháp luật có quy định bất buộc khác.

3. Công Ty phải bảo đảm luôn có ít nhất 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Khi chỉ còn lại 01 (một) người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam thì người này khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công Ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 3 nêu trên vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công Ty trở lại làm việc tại Công Ty hoặc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
5. Trường hợp Công Ty chỉ còn 01 (một) người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc trường hợp người đại diện theo pháp luật chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội Đồng Quản Trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công Ty⁷

1. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công Ty;
 - b. Trung thành với lợi ích của Công Ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công Ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Dấu của Công Ty⁸

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ sở khắc dấu và/hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm.

⁷ Điều 13 LDN 2020

⁸ NĐ 99/2016/NĐ-CP

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty, trừ trường hợp pháp luật có quy định bắt buộc khác.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý dấu của Công Ty, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công Ty theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. PHẠM VI, MỤC TIÊU KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động⁹

1. Công Ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động theo các nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp phép bao gồm:
 - a. Môi giới chứng khoán;
 - b. Tự doanh chứng khoán;
 - c. Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
 - d. Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công Ty được cung cấp dịch vụ nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và các sản phẩm, dịch vụ tài chính khác phù hợp với quy định của pháp luật; đồng thời, có thể thực hiện hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh khác (nếu có) theo sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (bao gồm Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước) tại từng thời điểm.

Điều 7. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công Ty là:

1. Cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính có chất lượng.
2. Trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường Việt Nam.
3. Tạo điều kiện, môi trường làm việc chuyên nghiệp cho các tài năng phát triển, nâng cao phúc lợi cho người lao động.
4. Tối đa hóa giá trị cổ phần, lợi ích cho cổ đông.
5. Góp phần phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty

1. Công Ty có tất cả các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp với điều kiện là quy định của Luật Doanh Nghiệp không mâu thuẫn với Luật Chứng Khoán cũng như quy định của pháp luật về chứng khoán.
2. Bên cạnh các quyền theo quy định của Khoản 1 nêu trên, Công Ty có các quyền sau đây¹⁰:

⁹ Điều 72 LCK 2019

¹⁰ Điều 7 LDN 2020

- a. Tự do kinh doanh những ngành nghề, nghiệp vụ kinh doanh được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) chấp thuận tại từng thời điểm;
 - b. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứng khoán, tài chính cho khách hàng trong phạm vi ngành nghề, nghiệp vụ kinh doanh hợp pháp của Công Ty;
 - c. Thực hiện thu phí khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật;
 - d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - e. Quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
3. Bên cạnh các nghĩa vụ theo quy định của Khoản 1 nêu trên, Công Ty phải bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ, nguyên tắc hoạt động sau đây:
- a. Tuân thủ các nguyên tắc quản trị Công Ty bao gồm¹¹:
 - (i) Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
 - (ii) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, nâng cao trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát đối với Công Ty và cổ đông;
 - (iii) Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
 - (iv) Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty;
 - (v) Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trọng quản trị Công Ty;
 - (vi) Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công Ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
 - b. Tuân thủ các nghĩa vụ của công ty chứng khoán theo quy định tại Điều 89 của Luật Chứng Khoán, bao gồm:
 - (i) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - (ii) Bảo đảm nhân viên làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện;
 - (iii) Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công Ty;
 - (iv) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng;
 - (v) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công Ty;
 - (vi) Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công Ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó,

¹¹ Điều 40 LCK 2019

trừ trường hợp khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ, chính xác;

- (vii) Cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng, chứng từ và phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công Ty;
 - (viii) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;
 - (ix) Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật;
 - (x) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục;
 - (xi) Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ Tài Chính;
 - (xii) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Chứng Khoán.
- c. Tuân thủ quy định về hạn chế đối với công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - d. Tuân thủ nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - e. Bảo đảm các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - f. Chịu trách nhiệm về hoạt động của người hành nghề chứng khoán tại Công Ty;
 - g. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn Điều Lệ và tỷ lệ sở hữu nước ngoài

1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán¹², phải được bảo đảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật. Mức Vốn Điều Lệ cụ thể của Công Ty tại từng thời điểm được ghi nhận tại Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty.
2. Công Ty có thể thay đổi tăng, giảm Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ¹³ (*tham khảo thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ của Công Ty được cập nhật tại Phụ Lục 01 - Vốn Điều Lệ đính kèm Điều Lệ*).
3. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị thông qua tùy từng trường hợp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ.
4. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công Ty là 49% (bốn mươi chín phần trăm).

Điều 10. Cơ cấu cổ phần¹⁴

1. Các cổ phần của Công Ty chỉ có loại cổ phần phổ thông tại ngày thông qua Điều Lệ này. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

¹² Khoản 1 Điều 112 LDN 2020

¹³ Khoản 2 Điều 6 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹⁴ Điều 114 LDN 2020

2. Tại từng thời điểm, ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông phù hợp với quy định của pháp luật. Cổ phần ưu đãi bao gồm các loại sau đây:
 - a. Cổ phần ưu đãi cổ tức;
 - b. Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
 - c. Cổ phần ưu đãi biểu quyết;
 - d. Cổ phần ưu đãi khác: theo quy định tại phương án phát hành cổ phần ưu đãi được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Đặc điểm của các loại cổ phần ưu đãi:
 - a. Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với số phiếu biểu quyết của cổ phần phổ thông; số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết¹⁵;
 - b. Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công Ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức¹⁶;
 - c. Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại và Điều Lệ (nếu có)¹⁷.
4. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khi thực hiện phương án phát hành thêm cổ phần.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
6. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
7. Cổ phần phổ thông được dùng làm tài sản cơ sở để phát hành chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (nếu có) được gọi là cổ phần phổ thông cơ sở. Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết có lợi ích kinh tế và nghĩa vụ tương ứng với cổ phần phổ thông cơ sở, trừ quyền biểu quyết.

Điều 11. Cổ đông¹⁸

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu trong Công Ty.
2. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công Ty và các cổ đông khác.

¹⁵ Khoản 1 Điều 116 LDN 2020

¹⁶ Khoản 1 Điều 117 LDN 2020

¹⁷ Khoản 1 Điều 118 LDN 2020

¹⁸ Điều 6 TT 121/2020/TT-BTC

3. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên phải thông báo đầy đủ cho Công Ty trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được thông tin đối với các trường hợp sau:
 - a. Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của Tòa án;
 - b. Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản.
4. Công Ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước về các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông.
5. Cổ đông sở hữu từ 10% Vốn Điều Lệ trở lên và người có liên quan của cổ đông đó không sở hữu trên 5% Vốn Điều Lệ của một công ty chứng khoán khác¹⁹.
6. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 77 của Luật Chứng Khoán²⁰.

Điều 12. Quyền của cổ đông phổ thông²¹

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức biểu quyết khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có). Mỗi cổ phần phổ thông có 01 (một) phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty phù hợp với phương án chào bán cổ phần và/hoặc phương án tăng Vốn Điều Lệ được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận;
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ và/hoặc theo các điều kiện được ghi rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng (nếu có);
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ, Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - g. Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;
 - h. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau đây:
 - a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội Đồng Quản Trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

¹⁹ Điểm c Khoản 2 Điều 74 LCK 2019

²⁰ Điểm d Khoản 2 Điều 74 LCK 2019

²¹ Điều 115 LDN 2020

- b. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;
 - c. Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp;
 - d. Quyền khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:
- a. Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
4. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh Nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát được thực hiện theo Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết²²

- 1. Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.
- 2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

Điều 14. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức²³

- 1. Nhận cổ tức theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.
- 2. Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi Công Ty giải thể hoặc phá sản.
- 3. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 dưới đây.
- 4. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 15. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại²⁴

- 1. Được Công Ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 10 của Điều Lệ.

²² Điều 116 LDN 2020

²³ Điều 117 LDN 2020

²⁴ Điều 118 LDN 2020

2. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 dưới đây.
3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 114 và Khoản 6 Điều 148 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông²⁵

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã cam kết mua. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều Lệ; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 17. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức²⁶

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản và nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức là cổ đông Công Ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông là tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
4. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công Ty và chỉ có hiệu lực đối với Công Ty kể từ ngày Công Ty nhận được văn bản. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.
5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 5 Điều 14 của Luật Doanh Nghiệp.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức²⁷:

²⁵ Điều 119 LDN 2020

²⁶ Điều 14 LDN 2020

²⁷ Điều 15 LDN 2020

- a. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại Hội Đồng Cổ Đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;
- b. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
- c. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông²⁸

1. Công Ty phải lập và quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công Ty hoặc cả hai hình thức này.
2. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông phải bảo đảm có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.
3. Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công Ty trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông trong giờ làm việc của Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng quản lý Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty hoặc các tổ chức khác có chức năng để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
5. Công Ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Cổ phiếu, các sản phẩm tài chính và chứng khoán khác

1. Cổ phiếu²⁹:
 - a. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
 - b. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

²⁸ Điều 122 LDN 2020

²⁹ Điều 121 LDN 2020

- c. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - (i) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - (ii) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
2. Chứng quyền có bảo đảm:
 - a. Chứng quyền có bảo đảm là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công Ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho Công Ty theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện³⁰.
 - b. Người sở hữu chứng quyền là chủ nợ có bảo đảm một phần của Công Ty và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bản cáo bạch khi chào bán chứng quyền (bao gồm nhưng không giới hạn các quyền nhận thanh toán bằng tiền hoặc nhận chuyển giao chứng khoán cơ sở; quyền chuyển nhượng, tặng cho, để lại thừa kế, cầm cố, thế chấp...).
3. Các sản phẩm tài chính³¹: Công Ty có thể thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính và thực hiện tất cả các nghiệp vụ liên quan theo quy định của pháp luật và chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước tại từng thời điểm.
4. Chứng khoán khác: Chứng nhận sở hữu trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của Công Ty ủy quyền hợp lệ và dấu của Công Ty hoặc được phát hành dưới hình thức điện tử phù hợp với quy định của pháp luật tại từng thời điểm³².

Điều 20. Điều chỉnh Vốn Điều Lệ

1. Tăng Vốn Điều Lệ³³: Sau khi chính thức tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, theo sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:
 - a. Chào bán thêm chứng khoán ra công chúng: chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng hoặc phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu;
 - b. Chào bán cổ phiếu riêng lẻ;
 - c. Chào bán, phát hành cổ phiếu theo các hình thức khác dẫn đến tăng Vốn Điều Lệ: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động; phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;

³⁰ Khoản 6 Điều 4 LCK 2019

³¹ Khoản 2 Điều 86 LCK 2019, Điều 202 NĐ 155/2020/NĐ-CP

³² Điều 8 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

³³ Điều 187 NĐ 155/2020/NĐ-CP

- d. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Giảm Vốn Điều Lệ³⁴:
- a. Theo sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty có thể giảm Vốn Điều Lệ bằng các hình thức sau đây:
- (i) Mua lại cổ phiếu để giảm Vốn Điều Lệ theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - (ii) Mua lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều 21 của Điều Lệ;
 - (iii) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- b. Công Ty thực hiện giảm Vốn Điều Lệ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và đáp ứng các điều kiện sau:
- (i) Vốn chủ sở hữu sau khi giảm không thấp hơn mức vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
 - (ii) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi giảm vốn đạt tối thiểu là 180%;
 - (iii) Các đợt giảm vốn phải cách nhau tối thiểu 12 (mười hai) tháng;
 - (iv) Đáp ứng điều kiện mua lại cổ phiếu của chính mình quy định tại Điều 36 Luật Chứng Khoán;
 - (v) Đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trình tự, thủ tục tăng, giảm Vốn Điều Lệ trong từng trường hợp được thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật có liên quan.
4. Sau khi hoàn tất việc tăng, giảm Vốn Điều Lệ, Công Ty thực hiện thủ tục điều chỉnh (i) Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán và (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông³⁵

Khi đáp ứng đầy đủ các tỷ lệ, điều kiện, hình thức, thủ tục mua lại cổ phần... theo quy định của pháp luật có liên quan, việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông có thể được Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Cổ đông biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại Khoản này.
2. Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông trong trường hợp nêu trên với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức

³⁴ Khoản 5 Điều 112 LDN 2020, Điều 36 LCK 2019 và Điều 188 NB 155/2020/NB-CP

³⁵ Điều 132 LDN 2020

thẩm định giá định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 22. Chuyển nhượng cổ phần³⁶

1. Cổ phần của Công Ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ và/hoặc được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công Ty được thực hiện bằng hình thức giao dịch trên thị trường chứng khoán với trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 23. Chào bán trái phiếu³⁷

1. Công Ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo hình thức phát hành riêng lẻ hoặc phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.
2. Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt.
3. Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền phải được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt, nhưng phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 24. Nguyên tắc quản trị, điều hành³⁸

1. Công Ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
2. Công Ty có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng.
3. Công Ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc phù hợp với Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.
4. Các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 25. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát quản lý³⁹

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị.
3. Ban Kiểm Soát.
4. Tổng Giám Đốc.

MỤC 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

³⁶ Điều 127 LDN 2020

³⁷ Khoản 2 Điều 13 NĐ 153/2020/NĐ-CP

³⁸ Điều 3 TT 121/2020/TT-BTC

³⁹ Điều 137 LDN 2020 và Điều 11 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁰

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát;
 - d. Quyết định đầu tư (bao gồm phương án thực hiện dự án đầu tư và dự án đầu tư) hoặc bán số tài sản thuộc dự án đầu tư có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty; Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị; Quy chế hoạt động và Quy trình kiểm soát của Ban Kiểm Soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi nhiệm, miễn nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).

Điều 27. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴¹

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên được tổ chức 01 lần/năm (mỗi năm một lần). Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức đồng thời tại nhiều địa điểm. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được trong thời hạn nêu trên, Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định gia hạn tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Công Ty phải báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước bằng văn bản, trong đó

⁴⁰ Điều 138 LDN 2020

⁴¹ Điều 139 LDN 2020

nêu rõ lý do và phải tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên trong thời hạn 02 (hai) tháng tiếp theo⁴².

3. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
4. Các nội dung đã được thông qua tại các nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trước đó chưa được thực hiện, Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện⁴³.

Điều 28. Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁴

1. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường. Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công Ty;
 - b. Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.
3. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy

⁴² Khoản 2 Điều 7 TT 121/2020/TT-BTC

⁴³ Khoản 2 Điều 272 NB 155/2020/NB-CP

⁴⁴ Điều 140 LDN 2020

định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định thì Ban Kiểm Soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty do không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều này.

4. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
5. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp, hình thức tổ chức cuộc họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
6. Thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát⁴⁵.
7. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của Công Ty⁴⁶.
8. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo Điều này sẽ được Công Ty hoàn lại trên cơ sở các chứng từ hợp lệ, đầy đủ. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi trả khi tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 29. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁷

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông của Công Ty. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 (hai

⁴⁵ Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NĐ-CP

⁴⁶ Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NĐ-CP

⁴⁷ Điều 141 LDN 2020

mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng⁴⁸. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người quản lý Công Ty phải cung cấp kịp thời thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông/danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Điều Lệ.

Điều 30. Chương trình và nội dung cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁴⁹

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
4. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 31. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁰

⁴⁸ Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC

⁴⁹ Điều 142 LDN 2020

⁵⁰ Điều 143 LDN 2020

1. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết, đăng ký giao dịch; trường hợp Công Ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết.
4. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại Khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 32. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵¹

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và phải lập thành văn bản, trong đó phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
3. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến;
 - d. Tham gia biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bằng hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 33. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵²

⁵¹ Điều 144 LDN 2020

⁵² Điều 145 LDN 2020

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 30 của Điều Lệ.

Điều 34. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵³

Thể thức họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành như sau đây:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định như sau đây:
 - a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội Đồng Quản Trị khác làm Chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban Kiểm Soát điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều hành để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - d. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và

⁵³ Điều 146 LDN 2020

không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc người được Chủ tọa phân công công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Bên cạnh việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo hình thức truyền thống phù hợp với quy định của Điều Lệ này, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể được tổ chức theo hình thức trực tuyến tùy theo quyết định của người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.

Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh, dữ liệu thông qua mạng Internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của cuộc họp, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc tổ chức cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trực tuyến phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công Ty có liên quan.

Điều 35. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁴

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp các vấn đề cụ thể phải được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được quy định tại Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ.
2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ.

⁵⁴ Điều 147 LDN 2020

Điều 36. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua⁵⁵

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều này:
 - a. Thay đổi Vốn Điều Lệ, loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty quy định tại Điều 25 của Điều Lệ;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản thuộc dự án đầu tư có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công Ty;
 - f. Thông qua hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 3 Điều 72 của Điều Lệ.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó:
 - a. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - b. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu tại từng thời điểm;
 - c. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 và 6 Điều này.
5. Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên

⁵⁵ Điều 148 LDN 2020; Khoản 5 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN

tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁶

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ.
2. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng⁵⁷. Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 29 của Điều Lệ. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Điều Lệ.
3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 3 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax, thư điện tử hoặc bỏ phiếu điện tử theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Trường hợp gửi ý kiến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo quy định về bỏ phiếu điện tử được Công Ty áp dụng tại từng thời điểm;
 - d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 5 Điều 149 của Luật Doanh Nghiệp.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

⁵⁶ Điều 149 LDN 2020

⁵⁷ Điểm a Khoản 4 Điều 11 TT 96/2020/TT-BTC

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 38. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁸

1. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh Nghiệp.
Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
5. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
6. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông⁵⁹

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nghị quyết hoặc biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi đến cổ đông hoặc được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

⁵⁸ Điều 150 LDN 2020

⁵⁹ Điều 151 LDN 2020

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 40 của Điều Lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Điều 40. Hiệu lực của nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông⁶⁰

1. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
3. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 39 của Điều Lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị⁶¹

1. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
2. Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán, giá mua lại cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
 - e. Quyết định việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng trong trường hợp mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty⁶²;
 - f. Quyết định đầu tư (bao gồm phương án thực hiện dự án đầu tư và dự án đầu tư) và bán số tài sản thuộc dự án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, bảo đảm phù hợp với giới hạn/hạn chế đầu tư của Công Ty theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty. Quy định này không áp dụng với hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm

⁶⁰ Điều 152 LDN 2020

⁶¹ Điều 153 LDN 2020

⁶² Khoản 1 Điều 133 LDN 2020

quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;

- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng của Công Ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - l. Quyết định thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị để hỗ trợ, tham mưu Hội Đồng Quản Trị trong việc quản lý Công Ty và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị;
 - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;
 - n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
3. Hội Đồng Quản Trị đồng thời có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây⁶³:
- a. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công Ty;
 - b. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty;
 - c. Bảo đảm hoạt động của Công Ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy định nội bộ của Công Ty;
 - d. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty;
 - e. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công Ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
 - f. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua theo quy định của pháp luật;

⁶³ Điều 278 NB 155/2020/NĐ-CP

- g. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty;
 - h. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công Ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty;
 - i. Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật.
4. Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều Lệ quy định. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nêu trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.

Điều 42. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị⁶⁴

1. Hội Đồng Quản Trị có từ 03 (ba) đến 07 (bảy) thành viên. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Hội Đồng Quản Trị trong mỗi nhiệm kỳ. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị cần bảo đảm⁶⁵:
- a. Tối thiểu 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành;
 - b. Tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên hoặc tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị⁶⁶

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;

⁶⁴ Điều 154 LDN 2020

⁶⁵ Điều 276 NB 155/2020/NB-CP

⁶⁶ Điều 155 LDN 2020

- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty;
 - c. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc/Giám đốc của công ty chứng khoán khác⁶⁷;
 - d. Thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác⁶⁸.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành là thành viên Hội Đồng Quản Trị không phải là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng của Công Ty⁶⁹.
3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công Ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công Ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công Ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công Ty; là người quản lý của Công Ty hoặc công ty con của Công Ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát của Công Ty ít nhất trong 05 (năm) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải thông báo với Hội Đồng Quản Trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội Đồng Quản Trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đó trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có liên quan.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ tương tự như thành viên Hội Đồng Quản Trị khác.

Điều 44. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị⁷⁰

⁶⁷ Khoản 1 Điều 8 TT 121/2020/TT-BTC

⁶⁸ Khoản 3 Điều 275 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁶⁹ Khoản 56 Điều 3 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁷⁰ Điều 274 NĐ 155/2020/NĐ-CP

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên được công bố phải bao gồm các thông tin tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - e. Các lợi ích liên quan đến Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty (nếu có).Công Ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan đến Công Ty của ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 của Điều Lệ có quyền đề cử ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Quy chế bầu cử và/hoặc theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cần phải biểu quyết bầu, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc Hội Đồng Quản Trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại Hội Đồng Cổ Đông biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội Đồng Quản Trị⁷¹

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau⁷²:
 - a. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty;
 - b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.

⁷¹ Điều 277 NB 155/2020/NB-CP

⁷² Điều 159 LDN 2020

2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, ngoài ra phải bảo đảm các trách nhiệm sau đây:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị⁷³.

Điều 46. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị⁷⁴

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị bầu 01 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.
2. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không được kiêm Tổng Giám Đốc của Công Ty⁷⁵.
3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm Chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
4. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng

⁷³ Khoản 3 Điều 277 NB 155/2020/NĐ-CP

⁷⁴ Điều 156 LDN 2020

⁷⁵ Khoản 2 Điều 275 NB 155/2020/NĐ-CP

lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu 01 (một) người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
 - d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo phân công của Hội Đồng Quản Trị tại từng thời điểm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 47. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị⁷⁶

1. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
2. Hội Đồng Quản Trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Việc tổ chức họp Hội Đồng Quản Trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều Lệ. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Địa điểm cuộc họp Hội Đồng Quản Trị là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.
3. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm Soát hoặc thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).

⁷⁶ Điều 157 LDN 2020 và Khoản 1 Điều 279 NB 155/2020/NĐ-CP

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
5. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do không triệu tập cuộc họp Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều này; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
6. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
7. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
9. Thành viên Hội Đồng Quản Trị được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua fax, thư điện tử, phiếu biểu quyết phải được gửi đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và phải được giữ bí mật đến thời điểm biểu quyết.
11. Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Điều 48. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị⁷⁷

1. Các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
2. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều 158 của Luật Doanh Nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công Ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật có liên quan⁷⁸.
3. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, thể hiện được đầy đủ nội dung cuộc họp. Trường hợp cần thiết theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nội dung một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được lập thành nhiều biên bản với điều kiện tất cả các biên bản phải thể hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của cuộc họp đó. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
4. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội Đồng Quản Trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua⁷⁹. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị⁸⁰

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 43 của Điều Lệ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

⁷⁷ Điều 158 LDN 2020 và Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁷⁸ Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung LDN

⁷⁹ Khoản 2 Điều 279 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁸⁰ Điều 160 LDN 2020

- b. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
4. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp sau đây:
- a. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng theo quy định tại Điều 42 của Điều Lệ. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);
- b. Số lượng thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều 42 của Điều Lệ;
- c. Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị⁸¹

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được hưởng thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được yêu cầu thanh toán chi phí đi lại, ăn, ở và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Thù lao của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 51. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị⁸²

1. Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và/hoặc hỗ trợ, tham mưu Hội Đồng Quản Trị trong việc quản trị Công Ty và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị quyết định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, ngân sách hoạt động và nhân sự của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty và Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị.

⁸¹ Điều 163 LDN 2020

⁸² Điều 31 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

Điều 52. Người phụ trách quản trị Công Ty⁸³

1. Hội Đồng Quản Trị phải bổ nhiệm/tuyển dụng ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 46 của Điều Lệ. Người phụ trách quản trị Công Ty đảm nhận và thực hiện công việc cho đến khi Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ mới bổ nhiệm/tuyển dụng người khác thay thế và/hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với Hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.
2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.
3. Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
 - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).

Điều 53. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị⁸⁴

1. Bộ phận Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị do Hội Đồng Quản Trị thiết lập phải bảo đảm thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ quy định dưới đây:
 - a. Đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều Lệ, các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c. Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d. Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;

⁸³ Điều 281 NB 155/2020/NB-CP

⁸⁴ Khoản 2, 3 và 4 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

- e. Đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật, kiểm soát các biện pháp bảo đảm an toàn tài sản;
 - f. Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính, thông qua quá trình kinh doanh;
 - g. Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i. Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j. Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k. Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công Ty;
 - l. Thực hiện kiểm toán nội bộ của Công Ty và các công ty con của Công Ty (nếu có);
 - m. Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Hoạt động kiểm toán nội bộ phải bảo đảm nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực và bảo mật theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Nhân sự của Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:
- a. Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng 05 (năm) năm gần nhất tính đến năm được bổ nhiệm;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, phẩm chất để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc và (các) Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;
 - d. Có chứng chỉ Chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

Điều 54. Quản trị rủi ro⁸⁵

1. Hội Đồng Quản Trị phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo nguyên tắc sau đây:
- a. Hệ thống tổ chức quản trị rủi ro tối thiểu phải quy định các nội dung:
 - (i) Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị trong việc quản trị rủi ro;
 - (ii) Trách nhiệm của Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc quản trị rủi ro;
 - (iii) Trách nhiệm của Bộ phận Quản trị rủi ro và các trưởng Bộ phận nghiệp vụ trong việc quản trị rủi ro;

⁸⁵ Điều 11 TT 121/2020/TT-BTC

- (iv) Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội Đồng Quản Trị thông qua;
 - (v) Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
 - (vi) Công tác quản lý kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám Đốc;
 - (vii) Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
- b. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm Công Ty có khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.
 - c. Hệ thống quản trị rủi ro phải được xây dựng để bảo đảm công tác quản trị rủi ro được thực hiện độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất.
 - d. Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập phải bảo đảm các Bộ phận nghiệp vụ và Bộ phận Quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau và người phụ trách Bộ phận nghiệp vụ không đồng thời phụ trách Bộ phận Quản trị rủi ro và ngược lại.
2. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro trong Công Ty phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:
- a. Hệ thống quản trị rủi ro trong Công Ty phải được vận hành dựa trên các quy trình, quy chế nội bộ bằng văn bản.
 - b. Các quy trình, quy chế nội bộ phải được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình, quy chế quản trị rủi ro liên quan. Công Ty phải thường xuyên rà soát và cập nhật lại các quy trình, quy chế nội bộ này.
 - c. Các quy trình, quy chế nội bộ phải bảo đảm cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát nội bộ, Ban Kiểm Soát hiệu được hoạt động quản trị rủi ro của Công Ty.
 - d. Quy trình, quy chế nội bộ về quản trị rủi ro phải có tối thiểu các nội dung sau đây:
 - (i) Cơ cấu tổ chức và mô tả chức năng nhiệm vụ, cơ chế phân cấp thẩm quyền quyết định và trách nhiệm;
 - (ii) Chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo trao đổi thông tin về rủi ro và xử lý rủi ro;
 - (iii) Các quy tắc phải bảo đảm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật.
3. Công Ty phải xây dựng hệ thống quy trình quản trị rủi ro bao gồm các nội dung: xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, giám sát rủi ro và xử lý rủi ro.
4. Xây dựng kế hoạch dự phòng:
- a. Công Ty phải xây dựng kế hoạch dự phòng cho các tình huống khẩn cấp xảy ra nhằm bảo đảm tính liên tục trong hoạt động kinh doanh của Công Ty.
 - b. Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát thường xuyên kế hoạch dự phòng. Kế hoạch dự phòng phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua.

5. Nguyên tắc lưu trữ hồ sơ, tài liệu:
- Tất cả hồ sơ, tài liệu, báo cáo, biên bản họp, nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo về rủi ro, các quyết định của Tổng Giám Đốc và các tài liệu khác liên quan đến quản trị rủi ro phải được lưu trữ đầy đủ và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan quản lý Nhà nước khi có yêu cầu.
 - Thời gian lưu trữ các tài liệu quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều này được thực hiện theo quy định pháp luật.

MỤC 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

- Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây⁸⁶:
 - Thực hiện giám sát tình hình tài chính của Công Ty, giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Công Ty và việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động, quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và bán niên của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công Ty;
 - Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công Ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ;
 - Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Điều Lệ, Ban Kiểm Soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và cổ đông Công Ty;

⁸⁶ Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NB 155/2020/NĐ-CP

- h. Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác của Công Ty vi phạm pháp luật, Điều Lệ thì Ban Kiểm Soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc vi phạm pháp luật, Điều Lệ dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công Ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm Soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định và/hoặc triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật nêu trên, Ban Kiểm Soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm⁸⁷;
 - i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty;
 - j. Sử dụng tư vấn độc lập, Bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - k. Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - l. Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Xây dựng Quy chế hoạt động, Quy trình kiểm soát của Ban Kiểm Soát và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - n. Tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, báo cáo về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Ngoài các quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát, Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây⁸⁸:
- a. Triệu tập các cuộc họp Ban Kiểm Soát;
 - b. Yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 56. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm Soát⁸⁹

- 1. Ban Kiểm Soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) Kiểm Soát Viên, nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

⁸⁷ Điểm d Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

⁸⁸ Khoản 2 Điều 38 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

⁸⁹ Điều 168 LDN 2020

Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định số lượng thành viên của Ban Kiểm Soát trong mỗi nhiệm kỳ.

2. Trưởng Ban Kiểm Soát do Ban Kiểm Soát bầu trong số các Kiểm Soát Viên theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm Soát được quy định tại Khoản 2 Điều 55 của Điều Lệ này. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số Kiểm Soát Viên thường trú ở Việt Nam.
3. Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
4. Trường hợp có Kiểm Soát Viên được bầu bổ sung hoặc thay thế Kiểm Soát Viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Ban Kiểm Soát.

Điều 57. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát⁹⁰

1. Thành viên Ban Kiểm Soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công Ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công Ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty;
 - e. Không thuộc các trường hợp sau⁹¹:
 - (i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
 - (ii) Là thành viên hoặc nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.
 - f. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, Trưởng Ban Kiểm Soát phải có thêm tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty⁹²;
 - b. Không được đồng thời là thành viên ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác⁹³.

⁹⁰ Điều 169 LDN 2020

⁹¹ Khoản 2 Điều 286 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁹² Khoản 3 Điều 286 NĐ 155/2020/NĐ-CP

⁹³ Điểm a Khoản 1 Điều 9 TT 121/2020/TT-BTC

Điều 58. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban Kiểm Soát⁹⁴

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 44 của Điều Lệ.
2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng thành viên Ban Kiểm Soát cần phải biểu quyết bầu, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của Điều Lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.
3. Việc bầu thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Điều Lệ⁹⁵.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm Soát⁹⁶

1. Thành viên Ban Kiểm Soát có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công Ty. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát được thực hiện như sau⁹⁷:
 - a. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, bao gồm: (i) thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và tài liệu kèm theo; (ii) nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; (iii) báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành;
 - b. Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc;
 - c. Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.
2. Kiểm Soát Viên có trách nhiệm sau đây:
 - a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều Lệ, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
 - c. Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều Lệ (nếu có).
3. Trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường

⁹⁴ Điều 285 NB 155/2020/NĐ-CP

⁹⁵ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020

⁹⁶ Điều 173 LDN 2020 và Điều 287 NB 155/2020/NĐ-CP

⁹⁷ Điều 171 LDN 2020

thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm Soát Viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công Ty.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm Soát Viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 60. Cuộc họp của Ban Kiểm Soát⁹⁸

1. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm Soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm Soát.
2. Ban Kiểm Soát có quyền yêu cầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 61. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên⁹⁹

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Điều 57 của Điều Lệ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều Lệ (nếu có).
2. Đại Hội Đồng Cổ Đông bãi nhiệm Kiểm Soát Viên trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 62. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên¹⁰⁰

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm Soát Viên được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm Soát Viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát.
2. Kiểm Soát Viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm Soát đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác.

⁹⁸ Điều 289 NB 155/2020/NB-CP

⁹⁹ Điều 174 LDN 2020

¹⁰⁰ Điều 172 LDN 2020

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm Soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.

MỤC 4. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 63. Tổ chức bộ máy quản lý¹⁰¹

1. Hệ thống quản lý của Công Ty phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty.
2. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty bao gồm có 01 (một) Tổng Giám Đốc và (các) Phó Tổng Giám Đốc (nếu có).
3. Ban Tổng Giám Đốc của Công Ty phải xây dựng các quy định làm việc của Ban Tổng Giám Đốc và phải được Hội Đồng Quản Trị thông qua. Quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây¹⁰²:
 - a. Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám Đốc;
 - b. Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp Ban Tổng Giám Đốc;
 - c. Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc đối với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.

Điều 64. Người điều hành khác¹⁰³

1. Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được bổ nhiệm, tuyển dụng (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng với số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện phù hợp với quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị của Công Ty phù hợp với cơ cấu tổ chức Công Ty được Hội Đồng Quản Trị thông qua. Những người điều hành Công Ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ các hoạt động và tổ chức của Công Ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Công Ty trả lương cho những người điều hành Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Tiền lương của những người điều hành Công Ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty, phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 65. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám Đốc¹⁰⁴

1. Công Ty có 01 (một) Tổng Giám Đốc. Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

¹⁰¹ Điều 33 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹⁰² Khoản 4 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

¹⁰³ Điều 34 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹⁰⁴ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 162 LDN 2020

2. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc¹⁰⁵:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - c. Có tối thiểu 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc tại Bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - d. Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - e. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn theo quy định của pháp luật;
 - f. Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - g. Không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - h. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 66. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám Đốc¹⁰⁶

1. Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Quyết định hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
 - c. Quyết định hợp đồng, giao dịch đầu tư thông thường, liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty (không phải phương án thực hiện dự án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thông qua của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị) hoặc bán số tài sản thông thường, liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty (không phải tài sản thuộc dự án đầu tư thuộc thẩm quyền thông qua của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị) có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, bảo đảm phù hợp với giới hạn/hạn chế đầu tư của Công Ty theo quy định của pháp luật;
 - d. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - e. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

¹⁰⁵ Khoản 5 Điều 74 LCK 2019 và Khoản 2 Điều 10 TT 121/2020/TT-BTC

¹⁰⁶ Khoản 3, Khoản 4 Điều 162 LDN 2020 và Khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

- f. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - g. Tuyển dụng lao động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành trong Công Ty, trừ các chức danh Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính và Kế Toán Trưởng thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;
 - h. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ và nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị (nếu có).
2. Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.

Điều 67. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc¹⁰⁷

1. Công Ty phải thiết lập Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc. Hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm bộ máy, nhân sự độc lập và chuyên trách, quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công Ty nhằm bảo đảm mục tiêu:
- a. Hoạt động của Công Ty tuân thủ quy định của Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - b. Bảo đảm quyền lợi khách hàng;
 - c. Hoạt động của Công Ty an toàn, hiệu quả; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - d. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời; trung thực trong việc lập báo cáo tài chính của Công Ty.
2. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám Đốc có nhiệm vụ kiểm soát việc tuân thủ:
- a. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều Lệ, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, quyết định của Hội Đồng Quản Trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công Ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công Ty;
 - b. Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công Ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công Ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công Ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công Ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c. Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d. Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn tài chính;
 - e. Tách biệt tài sản của khách hàng;

¹⁰⁷ Điều 12 TT 121/2020/TT-BTC

- f. Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g. Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h. Nội dung khác theo nhiệm vụ được Tổng Giám Đốc giao.
3. Yêu cầu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
- a. Bố trí tối thiểu 01 (một) nhân viên làm kiểm soát tuân thủ;
 - b. Trưởng Bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c. Không phải là người có liên quan đến các trưởng bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám Đốc, (các) Phó Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh trong Công Ty;
 - d. Có chứng chỉ chuyên môn Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và Chứng chỉ chuyên môn Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - e. Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công Ty.

CHƯƠNG VI. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 68. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công Ty¹⁰⁸

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và những người liên quan của các đối tượng này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.
3. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.
5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Ngoài các trách nhiệm nêu trên, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong các trường hợp sau đây¹⁰⁹:

¹⁰⁸ Điều 291 NB 155/2020/NB-CP

¹⁰⁹ Điều 299 NB 155/2020/NB-CP

- a. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- b. Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 69. Công khai các lợi ích liên quan¹¹⁰

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp, Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.
2. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.
3. Việc kê khai quy định tại Khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này được thực hiện như sau đây:
 - a. Công Ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;
 - b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nêu trên tại (các) chi nhánh của Công Ty;
 - c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai tại trụ sở chính của Công Ty trong giờ làm việc;
 - d. Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c Khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công Ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong việc thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện như sau đây:
 - (i) Người có yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan gửi văn bản đề nghị đến Công Ty tối thiểu 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến thực hiện việc xem xét, trích lục, sao chép;
 - (ii) Công Ty chỉ cung cấp bản gốc hoặc tập dữ liệu điện tử các nội dung được yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép tại trụ sở chính của Công Ty. Việc xem xét, trích lục và sao chép các nội dung này phải được thực

¹¹⁰ Điều 164 LDN 2020

hiện dưới sự chứng kiến của tối thiểu 01 (một) nhân viên của Công Ty được người quản lý phân công;

- (iii) Công Ty không gửi bản chính, bản sao, tập dữ liệu điện tử hoặc dưới bất kỳ hình thức nào của các thông tin, dữ liệu cho người yêu cầu xem xét, trích lục và sao chép dưới bất kỳ phương thức nào, dù là chuyển phát nhanh, fax hoặc email;
- (iv) Trường hợp người có quyền yêu cầu nêu trên ủy quyền cho người khác thực hiện xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan thì việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 70. Giao dịch với người có liên quan¹¹¹

- 1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
- 2. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công Ty.

Điều 71. Giao dịch với cổ đông, người quản lý Công Ty và người có liên quan của các đối tượng này¹¹²

- 1. Trừ trường hợp được phép thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan, Công Ty không được cho vay tiền, chứng khoán dưới mọi hình thức và không được dùng tiền, tài sản của Công Ty hoặc của khách hàng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho bên thứ ba.
- 2. Công Ty không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Tổng Giám Đốc, (các) Giám Đốc Chi Nhánh, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và người có liên quan của họ.

Điều 72. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan¹¹³

- 1. Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:
 - a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và người có liên quan của họ;
 - b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

¹¹¹ Điều 292 NB 155/2020/NB-CP

¹¹² Điều 27 TT 121/2020/TT-BTC

¹¹³ Điều 167 LDN 2020 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 293 NB 155/2020/NB-CP

- c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh Nghiệp.
2. Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội Đồng Quản Trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
3. Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:
- a. Hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này và có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
- b. Giao dịch theo quy định tại Khoản 1 Điều này dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;
- c. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều 36 của Điều Lệ.
5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định này Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
6. Công ty phải công khai/công bố thông tin hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 73. Bảo đảm quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công Ty¹¹⁴

1. Công Ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều Lệ.
2. Công Ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

¹¹⁴ Điều 294 NB 155/2020/NĐ-CP

Điều 74. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường¹¹⁵

1. Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để hạn chế những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 75. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc¹¹⁶

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác trong các trường hợp sau đây:
 - a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh Nghiệp;
 - b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ, nghị quyết, quyết định của Hội Đồng Quản Trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ (nếu có).
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công Ty sẽ tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 76. Công khai thông tin¹¹⁷

¹¹⁵ Điều 48 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹¹⁶ Điều 166 LDN 2020

¹¹⁷ Điều 176 LDN 2020

1. Công Ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật khác có liên quan.
2. Công Ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin sau đây:
 - a. Điều Lệ của Công Ty;
 - b. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc;
 - c. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - d. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.
3. Công Ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG VII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 77. Công nhân viên và công đoàn¹¹⁸

1. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công Ty.
2. Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua theo quy định của Điều Lệ đối với các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định của Điều Lệ, các quy chế của Công Ty và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, XỬ LÝ LỖ VÀ TRÍCH LẬP QUỸ DỰ TRỮ

Điều 78. Trả cổ tức¹¹⁹

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Đã trích lập các quỹ Công Ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

¹¹⁸ Điều 50 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹¹⁹ Điều 135 LDN 2020

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều Lệ. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
4. Trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thông qua việc trả cổ tức, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Trình tự, thủ tục trả cổ tức được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.
5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.
6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải đăng ký tăng Vốn Điều Lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 79. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh có lãi theo quy định của pháp luật.

Điều 80. Trích lập các quỹ¹²⁰

1. Công Ty phải trích lập các quỹ, dự phòng bắt buộc theo quy định của pháp luật bao gồm:
 - a. Quỹ dự phòng tổn thất các khoản đầu tư;
 - b. Quỹ dự phòng nợ phải thu khó đòi;
 - c. Các quỹ, dự phòng bắt buộc khác theo quy định của pháp luật tại từng thời điểm (nếu có).

Nguyên tắc trích lập, mức trích lập và việc sử dụng các quỹ, dự phòng bắt buộc nêu tại Khoản này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các quỹ, dự phòng bắt buộc nêu trên, theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty có thể trích lập các quỹ, dự phòng sau đây:
 - a. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư hoặc mua bảo hiểm nghề nghiệp;
 - d. Quỹ khen thưởng phúc lợi và dự phòng trợ cấp mất việc;
 - e. Các quỹ, dự phòng khác (nếu có).

Nguyên tắc trích lập, mức trích lập và việc sử dụng các quỹ, dự phòng nêu tại Khoản này được thực hiện theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong từng trường hợp cụ thể, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG IX. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH,
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

¹²⁰ Điều 3, Điều 5, Điều 6 TT 48/2019/TT-BTC

Điều 81. Tài khoản ngân hàng¹²¹

1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 82. Năm tài chính¹²²

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 83. Chế độ kế toán¹²³

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định của pháp luật có liên quan. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG X. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 84. Trình báo cáo hàng năm của Hội Đồng Quản Trị¹²⁴

1. Kết thúc năm tài chính, Hội Đồng Quản Trị phải trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát.
2. Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm Soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
4. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm Soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ ở trụ sở chính của Công Ty chậm nhất 10

¹²¹ Điều 52 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹²² Điều 53 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹²³ Điều 54 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹²⁴ Điều 175 LDN 2020

(mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này.

5. Báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau¹²⁵:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị và các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - e. Hoạt động của các tiểu ban khác trực thuộc Hội Đồng Quản Trị (nếu có);
 - f. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 85. Trình báo cáo hàng năm của Ban Kiểm Soát¹²⁶

1. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điểm d, Điểm e Khoản 3 Điều 27 của Điều Lệ.
2. Bên cạnh trách nhiệm báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều này, báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên phải bảo đảm có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát và từng thành viên Ban Kiểm Soát;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm Soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm Soát;
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công Ty;
 - d. Báo cáo về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty và những người có liên quan của các đối tượng đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác của Công Ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

¹²⁵ Điều 280 NB 155/2020/NĐ-CP

¹²⁶ Điều 290 NB 155/2020/NĐ-CP

- e. Kết quả giám sát đối với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác;
- f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và các cổ đông.

Điều 86. Chế độ báo cáo¹²⁷

1. Việc báo cáo của Công Ty phải đầy đủ, kịp thời và phản ánh chính xác tình hình thực tế của Công Ty.
2. Công Ty phải gửi báo cáo định kỳ bằng tệp dữ liệu điện tử cho và/hoặc theo yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước với thời hạn, nội dung báo cáo thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 89 của Điều Lệ này. Trước ngày 31 tháng 03 của năm tiếp theo, Công Ty phải gửi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước báo cáo tài chính năm và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận.
4. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty.
5. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 87. Công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin¹²⁸:
 - a. Công Ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng đầu tư. Công Ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.
 - b. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm cổ đông và công chúng đầu tư được tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.
2. Công Ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến Công Ty theo quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:
 - a. Báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin về việc thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động quy định tại Điều 25 của Điều Lệ trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định thay đổi¹²⁹;

¹²⁷ Điều 29 TT 121/2020/TT-BTC và Điều 55 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹²⁸ Điều 295 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹²⁹ Điều 296 NĐ 155/2020/NĐ-CP

- b. Báo cáo về tình hình quản trị Công Ty tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và công bố thông tin trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin¹³⁰;
- c. Báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty định kỳ 06 (sáu) tháng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán¹³¹.

Điều 88. Tổ chức công bố thông tin¹³²

1. Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công Ty theo Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau đây:
 - a. Công bố các thông tin của Công Ty đến công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều Lệ;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG XI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 89. Kiểm toán¹³³

1. Đại Hội Đồng Cổ Đông (i) quyết định (các) công ty kiểm toán độc lập trong số các công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận theo quy định của pháp luật; hoặc (ii) phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn (các) trong số các công ty kiểm toán độc lập được phê duyệt đó để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo tình hình sử dụng vốn (nếu có) và/hoặc các báo cáo cần kiểm toán khác của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên các điều khoản và điều kiện thỏa thuận dịch vụ với Hội Đồng Quản Trị.
2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, được quyền nhận các thông báo, thông tin khác liên quan đến Đại Hội Đồng Cổ Đông, được phát biểu ý kiến tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC LẠI, TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẴN CÔNG TY

Điều 90. Tổ chức lại Công Ty¹³⁴

1. Công Ty thực hiện tổ chức lại, phương án tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp) theo chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

¹³⁰ Khoản 1 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹³¹ Khoản 2 Điều 297 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹³² Điều 300 NĐ 155/2020/NĐ-CP

¹³³ Điều 57 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

¹³⁴ Điều 206 NĐ 155/2020/NĐ-CP

2. Trình tự, thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 91. Tạm ngừng hoạt động¹³⁵

1. Công Ty tạm ngừng hoạt động theo sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
2. Điều kiện tạm ngừng hoạt động Công Ty:
 - a. Việc tạm ngừng hoạt động không được ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng của Công Ty;
 - b. Thời gian tạm ngừng hoạt động tại trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch của Công Ty không quá 90 (chín mươi) ngày;
 - c. Có phương án tạm ngừng hoạt động, phương án xử lý các hợp đồng đã ký với khách hàng còn hiệu lực đã được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
3. Trình tự, thủ tục tạm ngừng hoạt động được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 92. Giải thể Công Ty¹³⁶

1. Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty mà không có quyết định gia hạn. Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công Ty (nếu có);
 - b. Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Công Ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Công Ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công Ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Trình tự, thủ tục giải thể Công Ty được thực hiện theo quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 93. Thanh lý tài sản¹³⁷

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý tài sản Công Ty gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định bất kỳ và 01 (một) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

¹³⁵ Điều 208 NB 155/2020/NB-CP

¹³⁶ Điều 207 LDN 2020

¹³⁷ Điều 61 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý tài sản Công Ty trước Tòa án và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Công Ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công Ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d nêu trên được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 94. Phá sản Công Ty

Trình tự, thủ tục phá sản Công Ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 95. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹³⁸

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và quy định của pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a. Cổ đông với Công Ty;
 - b. Cổ đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hoặc người điều hành khác.

Các bên liên quan trước hết giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) chỉ định 01 (một) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được thương lượng hoặc quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan đến thủ tục thương lượng, hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

¹³⁸ Điều 62 Điều lệ mẫu áp dụng đối với công ty đại chúng ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC

Điều 96. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.
2. Trong trường hợp có các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Điều Lệ này dẫn đến việc vi phạm quy định mới của pháp luật thì các quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 97. Ngày hiệu lực

1. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công Ty thông qua tại cuộc họp thường niên ngày 27 tháng 06 năm 2025.
2. Điều Lệ này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị pháp lý như nhau.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc của Công Ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

ĐẶNG SĨ THUY TÂM

Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 01 - VỐN ĐIỀU LỆ

(Đính kèm Điều Lệ của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 09 tháng 04 năm 2025)

STT	Thời điểm	Vốn Điều Lệ (VND)	Ghi chú
1	29/12/2006	60.000.000.000	Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/12/2006
2	06/09/2007	120.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/09/2007
3	28/12/2007	240.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28/12/2007
4	24/04/2019	400.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 24/04/2019
5	30/03/2020	439.600.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 30/03/2020
6	29/10/2020	1.000.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 29/10/2020
7	06/08/2021	2.000.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 06/08/2021
8	19/04/2024	3.000.000.000.000	Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 19/04/2024
9	26/08/2024	3.359.997.430.000	Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 26/08/2024

Để làm rõ, thông tin các lần tăng Vốn Điều Lệ và mức Vốn Điều Lệ của Công Ty theo Phụ Lục 01 này là được cập nhật đến ngày 09 tháng 04 năm 2025. Mức Vốn Điều Lệ cụ thể của Công Ty tại từng thời điểm được ghi nhận tại và xác định theo Giấy phép thành lập và hoạt động và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Số: 01/2025/TTr-BKS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công Ty)

Kính gửi: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty;

Ban Kiểm Soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, báo cáo vốn góp của chủ sở hữu, báo cáo tình hình sử dụng vốn và/hoặc các báo cáo cần kiểm toán khác của Công Ty, cụ thể như sau:

1. Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán cho Công Ty là bất kỳ đơn vị/công ty kiểm toán nào thuộc **danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán** do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) công bố tại từng thời điểm.
2. Thông qua việc ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn (các) đơn vị kiểm toán thuộc danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán các báo cáo của Công Ty trong năm tài chính 2025 và cho đến khi Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán khác tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên liên kế tiếp theo.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2025/NQ-ĐHĐCĐTN

TP. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (“Công Ty” hoặc “TPS”)

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Tiên Phong (“**Điều Lệ**”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2025 số 01/2025/BBH-ĐHĐCĐTN ngày 27/06/2025;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công Ty (chi tiết tại Báo cáo số BC01-HĐQT/ĐHĐCĐTN2025 ngày 27/06/2025).

(ĐVT: tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	+/- năm 2025 so với năm 2024
1	Doanh thu	2.106	1.379	-34.5%
2	Chi phí	1.624	1.240	-23.6%
3	Lợi nhuận trước thuế	481	139	-71.1%
4	Lợi nhuận sau thuế	379	111	-70.7%

2. Thông qua Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 (chi tiết tại Báo cáo số BC02-HĐQT/ĐHĐCĐTN2025 ngày 27/06/2025).
3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm Soát về hoạt động năm 2024 và định hướng năm 2025 (chi tiết tại Báo cáo số BC-BKS/ĐHĐCĐTN2025 ngày 27/06/2025).

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán và các báo cáo liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công Ty (chi tiết tại Tờ trình số 01/2025/TTr-HĐQT ngày 27/06/2025)

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 của Công Ty đã được kiểm toán. Một số chỉ số quan trọng trong Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

(ĐVT: đồng)

STT	Chỉ số	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng tài sản	6.931.757.094.757	11.198.130.697.457
2	Doanh thu	2.918.796.701.756	2.105.577.648.964
3	Lợi nhuận trước thuế	283.448.445.344	481.449.841.543

4	Lợi nhuận sau thuế	228.519.843.820	379.111.428.571
5	Lợi nhuận lũy kế	518.274.763.735	537.388.762.306
6	Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối	518.274.763.735	537.388.762.306

2. Thông qua các báo cáo liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công Ty:

- a. Thông qua tình hình thay đổi vốn điều lệ/vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần của Công Ty trong năm 2024 như sau:

(ĐVT: đồng)

Thời điểm	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần
Ngày 01/01/2024	2.000.000.000.000	877.282.000
Ngày 23/04/2024 ⁽¹⁾	3.000.000.000.000	5.916.888.000
Ngày 17/06/2024 ⁽²⁾	3.359.997.430.000	5.916.888.000
Ngày 31/12/2024	3.359.997.430.000	5.916.888.000

Để làm rõ, ⁽¹⁾ Công Ty hoàn tất thực hiện Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023; và ⁽²⁾ Công Ty hoàn tất thực hiện đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức căn cứ theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ Năm 2024 (tỷ lệ thực hiện 12%).

- b. Thông qua thực tế phương án sử dụng số tiền thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 và Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ Đợt Phát Hành Quyền Mua Năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

STT	Khoản mục	Số tiền thực tế (đồng)
1	Số tiền thu được	1.005.039.606.000
2	Hoạt động đầu tư chứng khoán niêm yết	137.856.620.000
3	Hoạt động đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	136.064.423.315
4	Hoạt động đầu tư trái phiếu Chính phủ	101.157.600.000
5	Hoạt động đầu tư chứng chỉ tiền gửi	530.000.000.000
6	Hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	99.999.868.827
7	Số tiền sử dụng (7=2+3+4+5+6)	1.005.078.512.142
8	Chênh lệch số tiền thu được và số tiền sử dụng (bù đắp bằng nguồn vốn khác) (8=1-7)	(38.906.142)

Điều 3. Thông qua thù lao Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát (chi tiết tại Tờ trình số 02/2025/TTr-HĐQT ngày 27/06/2025)

(ĐVT: đồng)

Đối tượng nhận thù lao	Năm 2024		Năm 2025
	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
Hội Đồng Quản Trị	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
Ban Kiểm Soát	160.000.000	160.000.000	160.000.000

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 (chi tiết tại Tờ trình số 03/2025/TTr-HĐQT ngày 27/06/2025)

1. Thông qua báo cáo về việc chi trả cổ tức và trích lập các quỹ, dự phòng từ lợi nhuận sau thuế như sau:

(ĐVT: đồng)

STT	Khoản mục	Số liệu
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chốt tại ngày 31/12/2023 (căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)	518.274.763.735
2	Lợi nhuận sau thuế thực hiện trong năm 2024	379.111.428.571
3	Chi trả cổ tức thực hiện trong năm 2024	359.997.430.000
4	Trích lập quỹ các quỹ, dự phòng trong năm 2024	0
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối chốt tại ngày 31/12/2024 (căn cứ theo Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán) (5=1+2-3-4)	537.388.762.306

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024: Công Ty đáp ứng các điều kiện được thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định của Điều Lệ và theo quy định của pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, lợi nhuận chưa phân phối lũy kế của Công Ty dự kiến được sử dụng cho kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh của Công Ty trong năm 2025; do vậy, Công Ty không phân phối lợi nhuận lũy kế.

Điều 5. Thông qua chủ trương kế hoạch phát hành/chào bán trái phiếu của Công Ty với tổng hạn mức phát hành trái phiếu là 3.000 tỷ đồng (chi tiết tại Tờ trình số 04/2025/TTr-HĐQT ngày 27/06/2025).

Điều 6. Thông qua các giao dịch giữa Công Ty và Ngân Hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) (chi tiết tại Tờ trình số 05/2025/TTr-HĐQT ngày 27/06/2025).

Điều 7. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ (chi tiết tại Tờ trình số 06/2025/TTr-HĐQT ngày 27/06/2025).

Đồng thời, thông qua việc ban hành Điều Lệ mới như dự thảo đính kèm Tờ trình số 06/2025/TTr-HĐQT ngày 27/06/2025.

Điều 8. Thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Công Ty (chi tiết tại Tờ trình số 01/2025/TTr-BKS ngày 27/06/2025).

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị Quyết này được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2025 ngày 27/06/2025. Nghị Quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc của Công Ty chịu trách nhiệm triển khai thi hành Nghị Quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA CUỘC HỌP

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT.